



# 2018

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN

**CTCP NHỰA ĐỒNG NAI**



## CTCP NHỰA ĐỒNG NAI

### Văn phòng HĐQT

Tầng 23, Tòa nhà Handico, Đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### Điện thoại

(+84) 24.7300.1559

### Website

[dnpcorp.vn](http://dnpcorp.vn)

## MỤC LỤC

<b>01</b>	THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT	<b>04</b>	<b>06</b>	QUẢN TRỊ CÔNG TY	<b>50</b>
<b>02</b>	THÔNG TIN CHUNG VỀ DNP CORP	<b>08</b>	<b>07</b>	NHÂN SỰ CHỦ CHỐT	<b>56</b>
<b>03</b>	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018	<b>30</b>	<b>08</b>	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC	<b>62</b>
<b>04</b>	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019	<b>42</b>	<b>09</b>	DNP VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI	<b>66</b>
<b>05</b>	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÔNG TY	<b>44</b>	<b>10</b>	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	<b>72</b>

## THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT



**Kính thưa Quý cổ đông,**  
**Sau hơn 2 năm chuyển đổi mô hình thành công ty đầu tư (investment holding) với hai mảng kinh doanh mũi nhọn là ngành Nhựa và ngành Nước, DNP Corp đã đạt được những thành quả nhất định và một lần nữa khẳng định hướng đi đúng đắn về mô hình kinh doanh và quản trị để có thể phát triển một cách bền vững.**

Thành tựu nổi bật nhất của DNP Corp trong năm qua là ở ngành Nước, khi quy mô tổng công suất thiết kế đã lên đến 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, bao gồm các nhà máy nước, hệ thống mạng lưới cấp nước do DNP sở hữu chi phối hoặc sở hữu tỷ lệ lớn cổ phần, trải dài trên 11 địa phương đang phát triển trên khắp cả nước. DNP cũng là chủ đầu tư và là nhà phát triển các dự án ngành Nước có tên tuổi và uy tín trên thị trường. Riêng trong năm 2018, các đơn

vị thành viên của DNP đã triển khai song song 2 dự án nhà máy nước có tổng công suất 160.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm tại Bắc Giang và Long An, 2 tỉnh có tiềm năng phát triển công nghiệp mạnh mẽ trong thời gian tới. Cả 2 dự án ghi nhận những kỳ lục về tốc độ triển khai dưới 12 tháng với hệ thống đường ống dài từ 22-40 km, kích thước đường ống lớn từ 710-1.000 mm, điều kiện thi công khó khăn qua nhiều địa hình phức tạp.

Ngành Nước cũng ghi nhận các kết quả ấn tượng về việc cải thiện hiệu quả kinh doanh của các công ty cấp nước sau khi gia nhập hệ thống DNP, bao gồm nâng cao chất lượng nước và dịch vụ cấp nước, giảm thất thoát, áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị và cung cấp dịch vụ, cải thiện năng suất lao động, mở rộng vùng dịch vụ cấp nước, tăng cường chia sẻ nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực và kinh nghiệm quản trị/công nghệ giữa các đơn vị thành viên để tối ưu và nâng cao hiệu quả.

Bên cạnh đó, không thể không nhắc đến những khó khăn thử thách trong năm 2018 với ngành Nhựa, khi giá nguyên vật liệu tăng cao theo ảnh hưởng của biến động giá dầu cùng với sức ép cạnh tranh gay gắt của các nhà đầu tư lớn gia nhập thị trường. Biên lợi nhuận ngành nhựa truyền thống bị sụt giảm nghiêm trọng trong khi lợi nhuận từ ngành nước chưa được thể hiện đầy đủ. DNP do đó đã tập trung nguồn lực đầu tư để chuyển hướng kinh doanh theo hướng tăng cường tỷ trọng

các sản phẩm có biên lợi nhuận cao. Theo đó, thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp INOCHI đã chính thức ra mắt chỉ sau 1 năm nghiên cứu và triển khai thực hiện, phát triển thành công 50 sản phẩm và đã thiết lập được hệ thống phân phối tại các địa bàn trọng yếu.

Những nỗ lực năm 2018 giúp Công ty tiếp tục khẳng định vị thế và nhận được sự tin tưởng, đồng hành của các đối tác có uy tín và tên tuổi lớn. Nổi bật là IFC đã giải ngân giai đoạn 2 và hoàn thành thực hiện cam kết tài trợ 24,9 triệu USD cho ngành nước, DNP Corp phát hành thành công 200 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ cho Ngân hàng TMCP Việt Á và đạt thỏa thuận phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 20 triệu USD với Olympus Capital Asia, góp phần tăng cường đáng kể nguồn lực tài chính và quản trị, hỗ trợ Công ty thực hiện các mục tiêu chiến lược.

Bên cạnh những bước tiến về quy mô và hiệu quả, DNP Corp còn tự hào về việc tuân thủ những thông lệ tốt về môi trường và xã hội





(E&S) tại các địa bàn hoạt động, cùng với các dự án xã hội đóng góp cho cộng đồng. Những dấu ấn ý nghĩa năm 2018 của Công ty là chương trình Phục hồi sinh kế cho các hộ nông nghiệp trong khu vực thu hồi đất xây dựng các nhà máy nước; là dự án Uống nước tại vòi góp phần làm phố cổ Hà Nội thân thiện hơn.

Năm 2019 được nhận định tiếp tục là một năm nhiều thách thức đến từ các yếu tố cạnh tranh và chi phí tăng, cùng rủi ro giá nguyên vật liệu và lãi suất thay đổi bất lợi. Tuy nhiên, DNP Corp vẫn đang đứng trước các cơ hội rộng mở nhờ vĩ mô ổn định, nhu cầu trong ngành nhựa và nước sạch tăng trưởng tốt, và xu hướng chuyển dịch thói quen tiêu dùng hướng tới các sản phẩm chất lượng cao, dịch vụ tốt, bán qua các kênh phân phối hiện đại. Những lợi thế cạnh tranh về quy mô, vị thế, năng lực cốt lõi mà Công ty tích lũy xây dựng được sau nhiều năm; định hướng chủ động phát triển sản phẩm theo xu hướng dài hạn của thị trường; sự tin tưởng, ủng hộ của các đối tác, cổ đông; và niềm tin vào sứ mệnh cấp nước sạch cho mọi người dân và phát triển thương hiệu nhựa cao cấp của Việt Nam không hề thua kém các sản phẩm cao cấp nhập khẩu,... sẽ là động lực mạnh mẽ giúp tập thể DNP Corp tiếp tục phấn đấu làm tốt hơn, sáng tạo hơn, tạo nên những giá trị tốt đẹp hơn cho cộng đồng. Tôi tin rằng những kết quả đã đạt được sẽ là nền tảng vững chắc giúp DNP Corp tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng DNP Corp!

Trân trọng.



**VŨ ĐÌNH ĐỘ**

Chủ tịch HĐQT







**THÔNG TIN CHUNG  
VỀ DNP CORP**



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch</b>	CTCP Nhựa Đồng Nai
<b>Mã chứng khoán</b>	DNP (niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX)
<b>Vốn điều lệ</b>	1.000 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2018)
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.748 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2018)
<b>Trụ sở chính</b>	Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
<b>Văn phòng HĐQT</b>	Tầng 23, Tòa nhà Handico, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
<b>Chủ tịch HĐQT</b>	Ông VŨ ĐÌNH ĐỘ



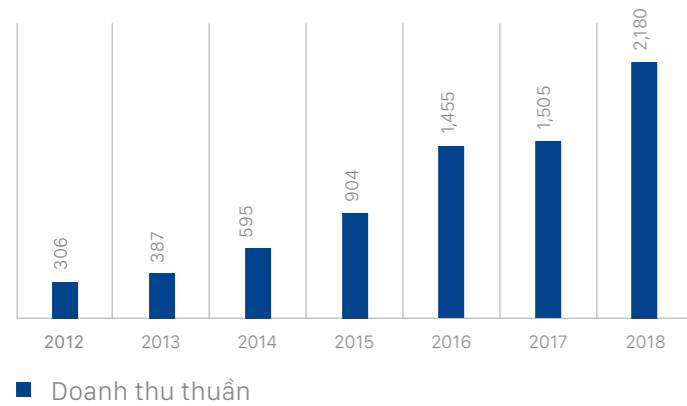
## NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT

<b>Vốn hóa thị trường</b>	<b>1.600</b> tỷ đồng
<b>Vốn điều lệ</b>	<b>1.000</b> tỷ đồng
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.671</b> tỷ đồng
<i>Tại ngày 31/12/2018</i>	

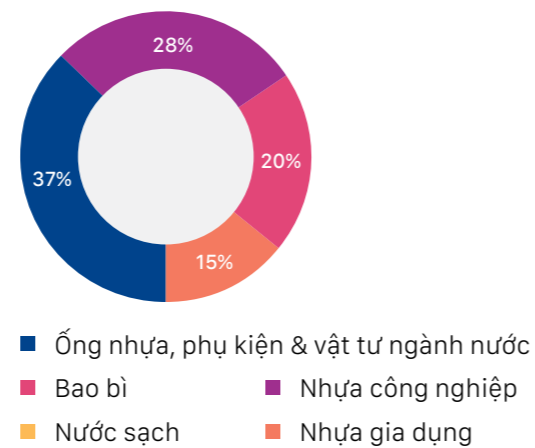
<b>Tăng trưởng gộp bình quân trong 5 năm (2013-2018)</b>	<b>41%</b> về doanh thu thuần
	<b>44%</b> về lợi nhuận gộp
<b>Số lượng đơn vị thành viên và liên kết</b>	<b>22</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 13 công ty thành viên</li> <li>• 9 công ty liên kết</li> </ul>
<b>Cơ sở</b>	<b>20</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Văn phòng tại Hà Nội, và TPHCM</li> <li>• 5 nhà máy nhựa</li> <li>• 13 nhà máy nước</li> </ul>
<b>Địa bàn hoạt động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngành nhựa: Khắp các tỉnh thành Việt Nam và xuất khẩu (châu Âu, Úc)</li> <li>• Ngành nước: cấp nước tại 11 tỉnh thành</li> </ul>
<b>Số lượng cán bộ CNV</b>	<b>2.100</b>
<b>Tổng công suất</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngành nhựa: 8.300 tấn/tháng</li> <li>• Ngành nước: 1.000.000 m3/ngày đêm</li> </ul>

# CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

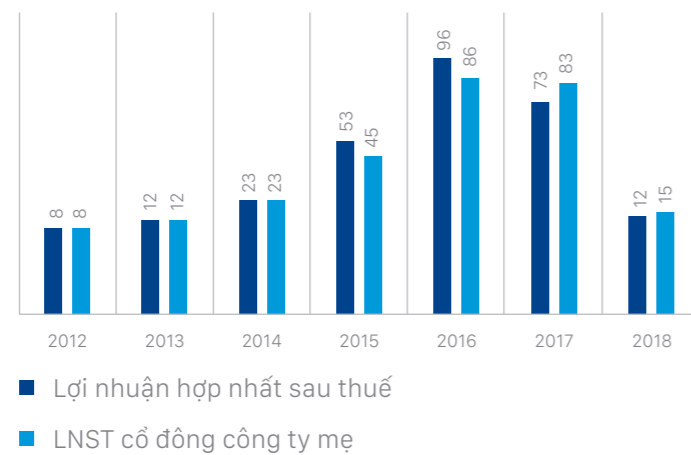
TĂNG TRƯỞNG DOANH THU HÀNG NĂM



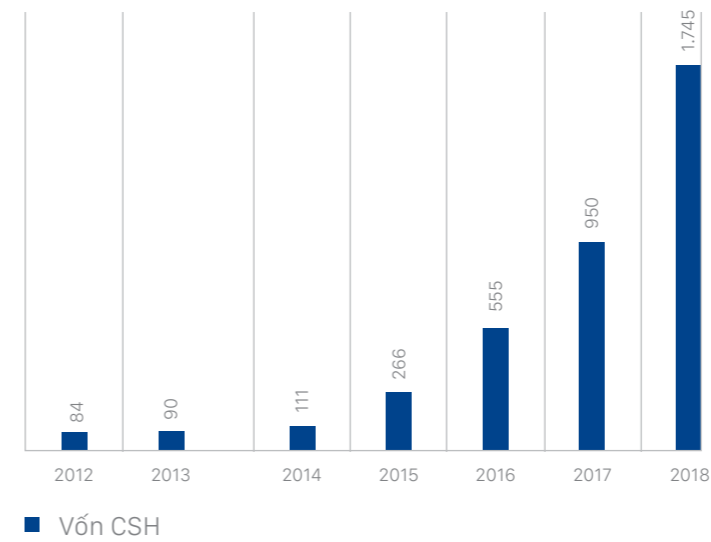
CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2018



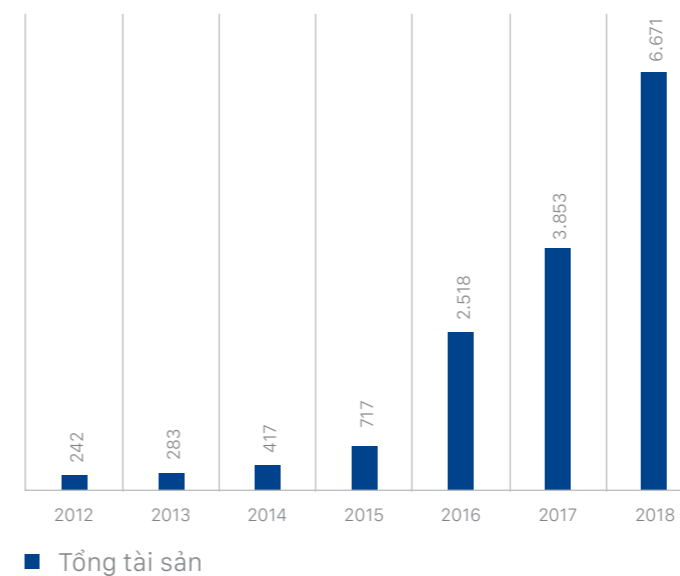
LỢI NHUẬN THỰC HIỆN QUA CÁC NĂM



QUY MÔ VỐN



QUY MÔ TÀI SẢN



Sau năm 2017 chững lại trong tăng trưởng doanh thu, doanh thu năm 2018 của DNP Corp đã tăng trưởng mạnh đến 45% nhờ tích cực phát triển kinh doanh ngành nhựa, đặc biệt là mảng thiết bị vật tư ngành nước, và ghi nhận nhiều doanh thu hơn từ ngành nước sạch. Tuy nhiên, lợi nhuận thực hiện không đạt được như kỳ vọng do ảnh hưởng bất lợi từ gia tăng chi phí, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu nhựa tăng cao đến tận đầu quý 4 và đầu tư phát triển cho mảng nhựa gia dụng, tăng quy mô ngành nước.

Xét về cơ cấu đóng góp, tỷ trọng doanh thu mảng nước sạch đã tăng từ 8% năm 2017 lên 15% tổng doanh thu trong năm 2018. Phần lớn doanh thu vẫn đến từ mảng nhựa với ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước (37%), nhựa công nghiệp (28%) và bao bì (20%).

Xét về quy mô, năm 2018 ghi nhận thành công nổi bật của DNP Corp trong việc huy động vốn để chủ yếu đầu tư vào các tài sản giá trị trong ngành nước, tổng công suất tăng thêm 478.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đưa tổng công suất ngành nước của công ty lên 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.





**TẦM NHÌN**

Trở thành công ty Việt Nam tầm cỡ quốc tế với sức cạnh tranh vượt trội tại hai lĩnh vực chính nước sạch và sản xuất nhựa.



**SỨ MỆNH**

Đối với ngành nước, cam kết đầu tư lâu dài bằng tất cả nguồn lực với niềm đam mê cao nhất, tiên phong ứng dụng công nghệ cao, tạo dựng giải pháp đột phá trong mô hình cấp nước sạch cho mọi người dân Việt Nam.

Đối với ngành nhựa, phát huy nội lực hiện tại, hợp tác đầu tư nhằm nâng cao năng lực và sức cạnh tranh, tạo ra sản phẩm nguồn gốc Việt, giá cả Việt và chất lượng quốc tế.



**TÔN TRỌNG CÁ NHÂN**



**KHÁCH HÀNG LÀ ƯU TIÊN SỐ 1**



**LÃNH ĐẠO PHẢI LÀ ĐIỂN HÌNH**



**TINH THẦN ĐỒNG ĐỘI VÌ MỤC TIÊU CHUNG**

**GIÁ TRỊ CỐT LÕI**



**LÀM VIỆC VỚI ĐAM MÊ VÀ TRÁCH NHIỆM CAO NHẤT**



**LIÊN TỤC ĐỔI MỚI**



**HÀNH ĐỘNG NGAY VÀ QUYẾT LIỆT**



# QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CÁC MỐC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

 1976

- Thành lập hình thức công ty Nhà nước

 1996

- Bắt đầu sản xuất ống nhựa uPVC

 1998

- Bắt đầu sản xuất ống nhựa HDPE

 2004

- Cổ phần hóa

 2005

- Đầu tư nhà máy sản xuất bao bì mềm xuất khẩu

 2006

- Chuyển niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) - mã chứng khoán DNP

 2007

- Xây dựng nhà máy sản xuất nhựa thứ 2 đặt tại Quảng Nam

 2008

- Là nhà sản xuất đầu tiên tại Việt Nam đầu tư sản xuất ống HDPE 1.000 mm

 2010

- Nâng công suất nhà máy ống nhựa lên 3.000 tấn/tháng

 2012

- Tái cấu trúc toàn diện theo mô hình DNP Corp, thay đổi HĐQT và Ban điều hành

 2014

- Trở thành nhà sản xuất và cung cấp ống nhựa hạ tầng số 1 Việt Nam

 2015

- Đầu tư mua chi phối nhà máy nước Bình Hiệp công suất 50.000 m3/ngày đêm
- Tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng

 2016

- Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng
- Đầu tư mua sở hữu Nhựa Tân Phú
- Đầu tư sở hữu Nước Đồng Tâm công suất 90.000 m3/ngày đêm

 2017

- Thành lập DNP Water với vốn điều lệ 1.100 tỷ đồng
- Trở thành công ty tư nhân đầu tiên trong ngành nước của Việt Nam được IFC cam kết đầu tư 24,9 triệu USD
- Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng

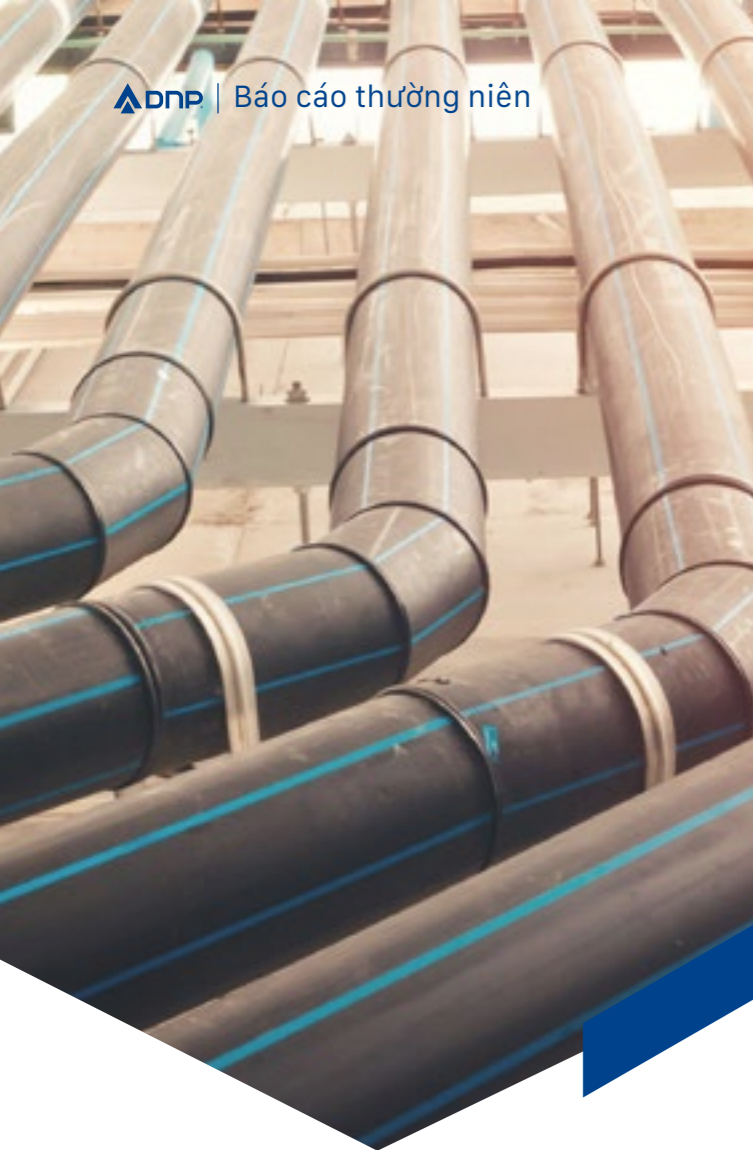
 2018

- Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang hoàn thành giai đoạn 1 công suất 30.000 m3/ngày đêm
- Quy mô ngành nước tăng mạnh, tổng công suất thiết kế đạt 1.000.000 m3/ngày đêm
- Tăng quy mô vốn điều lệ của DNP Corp lên 1.000 tỷ đồng, DNP Water lên 1.780 tỷ đồng
- Chính thức ra mắt thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp Inochi

 2019

- Huy động thành công nguồn vốn lên tới 20 triệu USD từ trái phiếu chuyển đổi với đối tác Olympus Capital Asia
- Nhà máy nước sạch Nhị Thành – DNP Long An hoàn thành giai đoạn 1 công suất 30.000 m3/ngày đêm.





## LĨNH VỰC KINH DOANH

### NGÀNH NHỰA



#### Ống nhựa và phụ kiện

- Sản xuất và cung cấp ống và phụ kiện nhựa HDPE, uPVC, PPR...cho các dự án cấp thoát nước, các dự án xây dựng dân dụng, tưới tiêu công nghiệp;
- Sản xuất và thương mại các loại vật tư, phụ tùng ngành nước như tấm lạng lamella, bơm, van, đồng hồ, hoá chất...;
- Tổng năng lực sản xuất 4.000 tấn ống/tháng, 1.000 tấn phụ kiện nhựa dân dụng/tháng, khả năng sản xuất hơn 400 loại phụ kiện khác nhau với chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu mọi công trình;
- Hiện nay, Nhựa Đồng Nai vẫn là nhà cung cấp ống nhựa hạ tầng chiếm thị phần số 1 tại Việt Nam.



#### Bao bì mềm xuất khẩu

- Sản xuất các loại bao bì mềm xuất khẩu: starseal, block, sandwich, T-shirt...đạt tiêu chuẩn châu Âu
- Xuất khẩu đến các thị trường: châu Âu (Đức, Anh, Pháp, Hà Lan, Bỉ...), Úc

Tổng công suất: 1.300 tấn/tháng.



#### Các sản phẩm nhựa công nghiệp

- Sản xuất các sản phẩm PET, két nhựa, vỏ bình ắc quy, chai, can thùng, vỏ (sơn, bảo vệ thực vật, dược phẩm, thực phẩm...)
- Các khách hàng lớn: Coca Cola, Sabeco, LaVie, Pinaco...

Tổng công suất 2.000 tấn/tháng, chiếm thị phần top 5 mảng nhựa công nghiệp.



#### Các sản phẩm nhựa gia dụng

- Phát triển thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp Inochi với các nhóm sản phẩm kệ đa năng, móc áo, thùng rác, túi rác, túi rút dây, màng bọc thực phẩm... với nhiều tiện ích, chất lượng cao, thiết kế đẹp.
- Hiện đã có hơn 50 sản phẩm phân phối tại thị trường nội địa qua các đại lý chọn lọc từ các chợ truyền thống và các kênh phân phối hiện đại (siêu thị, cửa hàng tiện ích, các kênh bán hàng điện tử).

### NGÀNH NƯỚC SẠCH



#### Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn cho người sử dụng



#### Đầu tư tăng công suất các nhà máy nước hiện hữu



#### Phát triển các dự án xây dựng nhà máy nước mới, các dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch đến các khu vực đô thị và cận đô thị



#### Trở thành đối tác chiến lược của các công ty tiềm năng trong ngành nước

Tổng công suất của các nhà máy thuộc các đơn vị thành viên, liên kết và đối tác chiến lược của DNP Water là 1.000.000 m3/ngày đêm, cung cấp nước sạch tại 11 tỉnh thành.





## THIẾT BỊ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

### NGÀNH NHỰA

**05** nhà máy nhựa trang bị đầy đủ dây chuyền sản xuất và máy móc thiết bị công nghệ cao cho các sản phẩm nhựa và phụ kiện

#### ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN

- Dây chuyền sản xuất ống HDPE công nghệ Ý, Đức
- Dây chuyền sản xuất ống uPVC và ống PPR công nghệ Đức
- Dây chuyền sản xuất phụ kiện PVC, HDPE, PPR... công nghệ Nhật Bản và Hàn Quốc

#### NHỰA CÔNG NGHIỆP

- Máy ép phun nhựa công nghệ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan
- Máy đùn thổi nhựa 3 lớp, HD từ Đức – Thái Lan
- Máy thổi nhựa PET Đài Loan, Thái Lan
- Máy gia công cơ khí chính xác công nghệ Nhật Bản



### NGÀNH NƯỚC

**13** nhà máy nước áp dụng các công nghệ xử lý nước tiên tiến trên thế giới và hệ thống quản lý, giám sát và thu thập dữ liệu tự động

- Công nghệ UBCF - bể lọc tiếp xúc sinh học dòng chảy ngược của Nhật Bản
- Công nghệ lắng Lamella
- Công nghệ lọc UF-RO
- Hệ thống SCADA



# CẤU TRÚC CÔNG TY

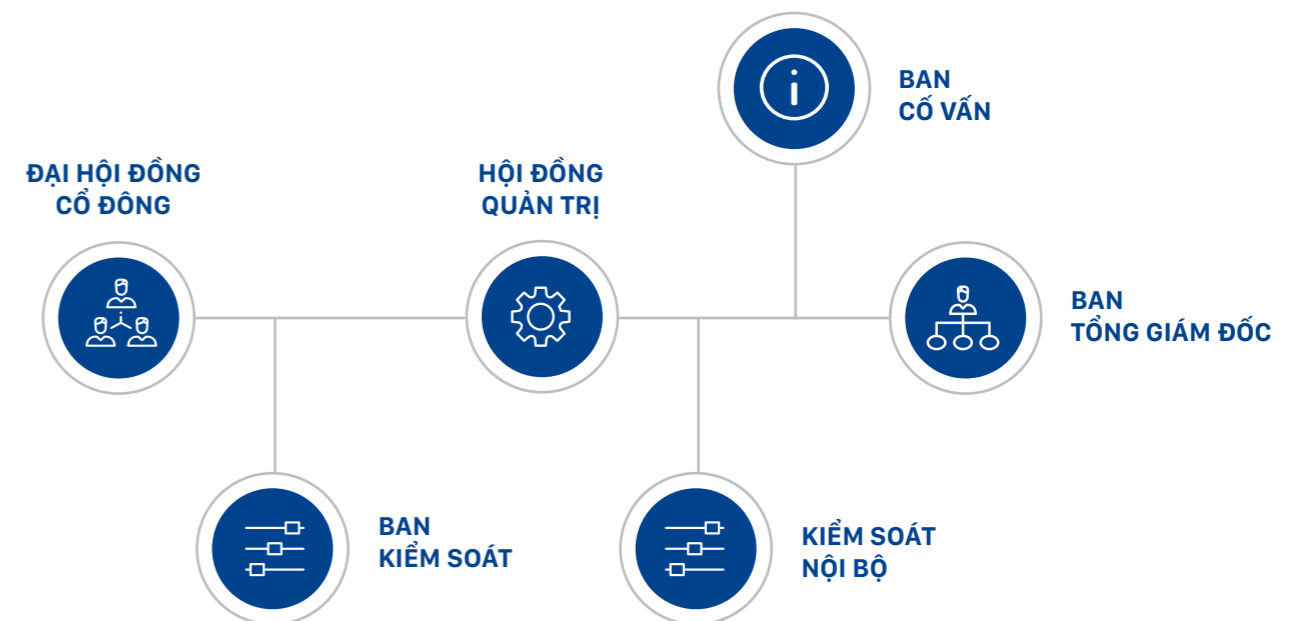
## MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Ghi chú: Tỷ lệ sở hữu cập nhật tại ngày 31/03/2019

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết
<b>Các công ty con sở hữu trực tiếp</b>		
1.	CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	99,33%
2.	CTCP Nhựa Tân Phú	51,01%
3.	CTCP Đầu tư ngành nước DNP	74,99%
4.	CTCP Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	70,00%
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp</b>		
1.	CTCP Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang	99,99%
2.	CTCP Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	86,16%
3.	CTCP Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội	86,36%
4.	CTCP Bình Hiệp	70,77%
5.	CTCP Cấp thoát nước Bình Thuận	57,26%
6.	CTCP Nhà máy nước Đồng Tâm	52,68%
7.	CTCP Cấp thoát nước Tây Ninh	59,41%
8.	CTCP Công trình Đô thị Châu Thành	90,28%
<b>Các công ty liên kết</b>		
1.	CTCP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Sơn Thành	45,00%
2.	CTCP Cấp nước Cần Thơ 2	39,13%
3.	CTCP Cấp thoát nước Long An	37,15%
4.	CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ	22,54%
5.	CTCP Cấp nước Cà Mau	22,48%

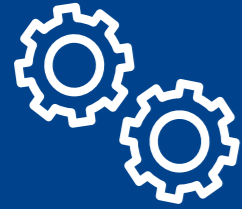
## BỘ MÁY QUẢN LÝ

DNP Corp hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (Investment holding), trong đó DNP Corp (là công ty holding) thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy nước mới và hoạt động M&A (mua bán – sáp nhập) và (iv) thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực và các nguồn lực phát triển chung như công nghệ thông tin (IT), khối ngân hàng đầu tư (IB), nghiên cứu và phát triển (C&P). Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP Corp.





## NỀN TẢNG TỔ CHỨC



### KHỐI SẢN XUẤT

Các nhà máy sản xuất nhựa/nước sạch tại các đơn vị thành viên



### KHỐI QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Hoạt động trong mảng nước sạch, quản lý vận hành các nhà máy nước và công ty con, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn, và tuân thủ các thông lệ tốt về môi trường và xã hội (E&S)



### KHỐI THIẾT KẾ, CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP MẠNG

Hoạt động trong mảng nước sạch, lên phương án thiết kế tối ưu cho các dự án cải thiện hiệu quả hoạt động của các nhà máy nước, chống thất thoát nước, phát triển dự án mới, và tư vấn giám sát thực hiện các dự án



### KHỐI KINH DOANH

Các đội kinh doanh theo nhóm, thị trường và ngành hàng: hạ tầng, xây dựng dân dụng, khách hàng công nghiệp, đại lý và cộng tác viên



### KHỐI PHÁT TRIỂN

Gồm các nhóm nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển các cơ hội kinh doanh mới



### KHỐI ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH & PHÁP CHẾ

Theo mô hình ngân hàng đầu tư (Investment banking) tìm kiếm và triển khai các cơ hội đầu tư, cấu trúc nguồn tài chính và tối ưu hóa dòng tiền các đơn vị thành viên, kiểm tra và giám sát hiệu quả của các khoản đầu tư



### KHỐI MARKETING VÀ TRUYỀN THÔNG

Hoạch định và điều phối thực thi chiến lược phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm, truyền thông, tăng giá trị thương hiệu, hình ảnh và hiệu quả kinh doanh của DNP Corp



### KHỐI PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân sự chất lượng cao cho DNP Corp



### CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đưa công nghệ thông tin vào vận hành, kinh doanh và quản trị trên toàn hệ thống DNP Corp, gia tăng sức cạnh tranh của DNP



### CÁC KHỐI NGHIỆP VỤ HỖ TRỢ

Kế toán, Hành chính, Mua hàng





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



**TẦM NHÌN 2017-2025:**  
**Trở thành doanh nghiệp tư nhân Việt Nam**  
 - Số 1 ngành nước sạch  
 - Số 1 cung cấp ống, vật tư và giải pháp tổng thể cho ngành cấp thoát nước  
 - Top 3 nhựa công nghiệp  
 - Top 5 nhựa gia dụng

## CHIẾN LƯỢC THỰC HIỆN

- Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực
- Xây dựng và tổ chức bộ máy quản trị và điều hành hiện đại, chuyên nghiệp theo mô hình tiên tiến
- Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, minh bạch, đề cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới phát triển bền vững
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, hợp tác với các đối tác chuyên ngành trong và ngoài nước, rút ngắn thời gian chuyển giao các bài học công nghệ và quản trị đã thành công, gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam
- Xây dựng phát triển thị trường mới trong các chuỗi sản phẩm trọng tâm của DNP Corp
- Tập hợp sức mạnh tập thể của tất cả các đơn vị thành viên dưới một mái nhà chung DNP Corp để tạo lợi thế cộng hưởng vượt trội

## CHIẾN LƯỢC NGÀNH NHỰA

Về môi trường vĩ mô, kinh tế Việt Nam được dự báo là ổn định trong những năm tới với tốc độ tăng trưởng GDP trên 7%/năm, tỷ giá và lạm phát ở trong tầm kiểm soát. Thu nhập bình quân của người Việt cũng được cải thiện đáng kể. Tầng lớp trung lưu gia tăng về số lượng và thu nhập, kéo theo việc thay đổi thói quen tiêu dùng và hướng tới các sản phẩm có chất lượng cao hơn.

Xét riêng trong ngành nhựa, các mảng sản xuất nhựa của DNP Corp đều còn điều kiện và dư địa tăng trưởng cao.

1. **Nhựa hạ tầng và dân dụng:** theo quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam, nhựa xây dựng chiếm 25% (2020) đến 27% (2025) tỉ trọng ngành nhựa. Sự phát triển của thị trường bất động sản và cùng với nhu cầu gia tăng về nhà ở và hạ tầng cũng tạo cơ hội thuận lợi cho mảng nhựa xây dựng. Thị trường ống nhựa được ước tính có giá trị 800 triệu USD và còn dư địa tăng trưởng cao ở mức 5-10%/năm trong 10 năm tới.
2. **Bao bì:** Nhờ nhu cầu các sản phẩm tiêu dùng, thực phẩm tăng mạnh, ngành nhựa bao bì cũng tăng trưởng nhanh. Bên cạnh đó, việc dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam cũng tạo cơ hội lớn cho ngành bao bì nội địa, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất bao bì phát triển quy mô sản xuất và tiếp cận thị trường rộng hơn.
3. **Nhựa công nghiệp:** Thị trường tiêu dùng của các khách hàng Nhựa Tân Phú gồm các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm, đồ uống, dược phẩm...có nhu cầu rất lớn và đang tiếp tục tăng trưởng theo sự phát triển của kinh tế Việt Nam và xu hướng tiêu dùng. Từ đó tạo nhu cầu ổn định cho các sản phẩm nhựa công nghiệp của Nhựa Tân Phú.
4. **Nhựa gia dụng:** Hiện nay gần 100% các sản phẩm nhựa gia dụng chất lượng cao ở Việt Nam đang được nhập khẩu với tổng giá trị khoảng 200 triệu USD/năm, hoặc được sản xuất bởi các doanh nghiệp FDI (ví dụ như Lock & Lock). Các doanh nghiệp sản xuất nhựa Việt nam đang sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu được nhập khẩu từ Thái Lan, Trung Quốc từ những năm 1990. Do đó, đến thời điểm này vẫn chưa có thương hiệu nhựa gia dụng Việt Nam trong phân khúc cao cấp.



## Chiến lược công ty trong ngành nhựa cho những năm tới:

1. **Nhựa hạ tầng và dân dụng:** Từ sản phẩm lõi là ống nhựa và phụ kiện, bổ sung các sản phẩm, dịch vụ giàu giá trị gia tăng cho khách hàng, thông qua đó trở thành nhà cung cấp giải pháp toàn diện ngành cấp thoát nước hàng đầu Việt Nam cho các dự án hạ tầng cấp thoát nước đến khu đô thị, toà nhà cao tầng.
2. **Bao bì:** Tiếp tục khai thác công nghệ sản xuất hiện hữu song song với việc tăng hiệu quả hoạt động và biên lợi nhuận. Đồng thời đầu tư cơ sở sản xuất mới cho sản phẩm có tiêu chuẩn cao hơn, tham gia vào chuỗi sản phẩm có giá trị cao dành cho nhóm khách hàng mục tiêu mới.
3. **Nhựa công nghiệp:** Tối ưu hóa dây chuyền sản xuất hiện có, tăng cường khai thác tập khách hàng hiện tại để giảm thiểu đầu tư mới. Bên cạnh đó, đẩy mạnh tiếp cận nhóm khách hàng quốc tế, các doanh nghiệp FDI và các khách hàng có giá trị cao hơn, như các doanh nghiệp ngành thực phẩm, dược phẩm..
4. **Nhựa gia dụng:** Nhanh chóng hoàn thiện dây sản phẩm và phát triển các sản phẩm sáng tạo khác biệt cho các thị trường theo khu vực để Inochi trở thành thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp đầu tiên của Việt Nam có đầy đủ các sản phẩm.



**CHIẾN LƯỢC NGÀNH NƯỚC**

Mặc dù Việt Nam đã cải thiện đáng kể tình trạng cấp nước trong những năm qua, nhu cầu tiếp cận nước sạch của người dân vẫn chưa được đáp ứng đủ. Theo thống kê, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước quy hệ thống nước tập trung trung bình là 84,5% (dao động từ khoảng 57% đến 98%). Tổng công suất thiết kế của hệ thống cấp nước đô thị trên cả nước mới đạt 8,5 triệu m3/ngày đêm. Lượng nước tiêu thụ bình quân là 108 l/người/ngày, thấp hơn nhiều so với mức 220 l/người/ngày của các nước trong khu vực. Ở các khu vực nông thôn, chỉ mới có 39% dân số được dùng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn.

Theo quy hoạch phát triển cấp nước cho các khu đô thị và công nghiệp đến năm 2025, Việt nam hướng đến các mục tiêu sau: (i) Tỷ lệ tiếp cận nước sạch được cung cấp tập trung ở khu vực đô thị là 100%, với tiêu chuẩn tiêu thụ là 120 l/người/ngày và chất lượng nước luôn đảm bảo đạt chuẩn; (ii) Tỷ lệ tiếp cận nước sạch, an toàn ở nông thôn đạt 75%; (iii) tỷ lệ thất thoát nước giảm xuống dưới 15% và hệ thống cấp nước hoạt động liên tục, chịu được áp lực cấp nước 24/24.

Giữ vững cam kết đầu tư lâu dài trong ngành nước, tiên phong ứng dụng công nghệ cao, tạo dựng giải pháp đột phá trong mô hình cấp nước sạch cho người dân Việt Nam, DNP Corp đặt ra các mục tiêu chiến lược sau trong ngành nước (i) tổng công suất cấp nước đạt 2.000.000 triệu/m3/ngày đêm; (ii) tỷ lệ thất thoát nước của các đơn vị trong công ty giảm xuống dưới 15%; và (iii) chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty được đánh giá trong nhóm doanh nghiệp đầu ngành.

**Để đạt được các mục tiêu đó, chiến lược công ty trong ngành nước cho những năm tới như sau:**

- Tích cực tăng quy mô qua việc trở thành đối tác chiến lược của các công ty nước đang hoạt động, hoàn thành các dự án cấp nước mới, và lên kế hoạch phát triển các dự án mới tại các địa bàn có nhu cầu nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ cao;
- Tăng hiệu quả hoạt động tại các công ty cấp nước thành viên qua việc triển khai các dự án tăng công suất, phát triển thị trường, giảm thất thoát, đảm bảo chất lượng nước và gia tăng chất lượng dịch vụ khách hàng, áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị, vận hành, tăng cường quản trị tài chính để cải thiện hiệu quả hoạt động;
- Phát triển nguồn nhân lực nội tại, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường lành mạnh, tích cực khuyến khích cán bộ nhân viên phát triển, vận dụng tối đa kiến thức, kinh nghiệm đã có, kết hợp với thế mạnh về công nghệ, kỹ thuật, tài chính, quản trị...của các đối tác chiến lược trong và ngoài nước để đạt hiệu quả tối ưu trong hoạt động vận hành và phát triển dự án.

**CÁC YẾU TỐ RỦI RO**

Trong quá trình thực hiện định hướng phát triển của DNP Corp trong ngành nhựa và ngành nước, những yếu tố rủi ro sau có thể ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu phát triển của công ty:

- Hiệu quả hoạt động sản xuất nhựa của công ty phụ thuộc rất nhiều vào giá nguyên vật liệu đầu vào. Thực tế cho thấy trong năm 2018, khi giá dầu và nguyên vật liệu nhựa không ngừng tăng cao đến tận cuối quý 3, lợi nhuận của công ty đã sụt giảm đáng kể. Giá nguyên vật liệu diễn biến không thuận lợi là rủi ro lớn ảnh hưởng hoạt động công ty.
- Chi phí đầu vào (giá dầu, điện, lương nhân công...) đang có xu hướng tăng, gây ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Trong quá trình đầu tư mở rộng sản xuất và quy mô, công ty huy động vốn từ các nguồn bên ngoài. Lãi suất nếu tăng sẽ ảnh hưởng lớn đến chi phí lãi vay của công ty, làm giảm hiệu quả các khoản đầu tư hoặc hạn chế khả năng huy động vốn của công ty cho việc đầu tư phát triển quy mô và cải thiện hoạt động.
- Cạnh tranh là yếu tố không thể tránh khỏi trong hoạt động của các doanh nghiệp. Trong ngành nhựa, hiện nay có đến 2.000 doanh nghiệp, bên cạnh nhiều doanh nghiệp mới tham gia thị trường, trong đó có cả doanh nghiệp nước ngoài thông qua các hoạt động M&A. Trong ngành nước, ngày càng nhiều doanh nghiệp đầu tư vào ngành nước qua đấu giá cổ phần hóa/thoái vốn Nhà nước hoặc dành quyền phát triển dự án nước tại các địa bàn tiềm năng. Yếu tố cạnh tranh sẽ giảm biên lợi nhuận, tăng chi phí đầu tư ban đầu, làm giảm hiệu quả đầu tư và hoạt động của công ty trong cả ngành nhựa và ngành nước.





# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, DNP Corp đã đạt được những bước phát triển về quy mô và kinh doanh trong các lĩnh vực chiến lược.

Trong ngành nước, DNP Water có thêm 3 công ty thành viên, 5 công ty liên kết, phạm vi hoạt động mở rộng ra 11 tỉnh thành trên cả nước, tổng công suất thiết kế đạt 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, số lượng khách hàng hiện hữu lên đến 600.000 tổ chức/hộ gia đình.

Trong ngành nhựa, dù cạnh tranh gay gắt, công ty vẫn tăng được doanh thu, phát triển thành công mảng kinh doanh thiết bị vật tư ngành nước, doanh thu ống nhựa dân dụng mới đầu tư năm 2017 tăng 393%, các sản phẩm nhựa gia dụng cao cấp đã được tung ra thị trường, thâm nhập kênh phân phối và được bước đầu được đón nhận.



Việc đầu tư tăng quy mô và phát triển kinh doanh, cùng với yếu tố tăng chi phí, đặc biệt là giá nguyên vật liệu nhựa và cạnh tranh khiến lợi nhuận năm 2018 của công ty thấp hơn nhiều so với kế hoạch. Tuy nhiên, cùng với dự báo giá dầu và nguyên vật liệu nhựa sẽ được ổn định hơn năm 2019 và các dự án nhà máy nước, các mảng kinh doanh mới nhựa dân dụng, gia dụng... đã hoàn thiện đầu tư, vận hành ổn định và bắt đầu giai đoạn tăng trưởng, doanh thu và lợi nhuận của công ty sẽ được cải thiện.

## KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018 SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% hoàn thành kế hoạch năm
1.	Doanh thu hợp nhất	2,461	2,181	89%
2.	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	150	12	8%
3.	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	150	15	10%

Dù kế hoạch doanh thu đặt ra cho năm 2018 là rất cao với tỷ lệ tăng trưởng tới 64% so với năm 2017, DNP Corp vẫn đạt 89% kế hoạch. Tuy nhiên lợi nhuận cổ đông công ty mẹ chỉ đạt 10% do chủ yếu do chi phí tăng mạnh trong ngành nhựa (giá nguyên vật liệu ngành nhựa tăng mạnh, chi phí khấu hao và bán hàng tăng) và ngành nước vẫn tiếp tục chú trọng đầu tư tăng quy mô.

Trong ngành nước sạch, công ty hoàn thành giai đoạn 1 dự án nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang, sau đó tiếp tục mở mạng bán lẻ huyện Lạng Giang và xây dựng dự án nhà máy nước Nhị Thành. Các công ty mới M&A trong năm chưa được hợp nhất cả năm nên chưa phản ánh đúng quy mô doanh thu và lợi nhuận hiện hữu. Việc phân bổ lợi thế thương mại theo quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam chứ không theo chuẩn quốc tế cũng phần nào phản ánh chưa đúng hiệu quả thực tế của công ty.

Trong ngành nhựa, giá nguyên vật liệu tăng từ đầu năm 2018 đến cao điểm vào tháng 9-10, trước khi bắt đầu giảm tương đối từ tháng 11. Nguyên vật liệu PE ống tăng mạnh từ 1.400 USD/tấn lên \$1.600/tấn, tương đương mức tăng 15%, làm giảm mạnh lãi gộp thực tế của các sản phẩm ống nhựa và bao bì so với kế hoạch. PET tăng hơn 26% từ 1.140 USD/tấn lên 1.440 USD/tấn, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận mảng nhựa công nghiệp. Dù chỉ đầu tư chọn lọc cho các dự án cải thiện nhanh hiệu quả sản xuất ống, phụ kiện, bao bì và nhựa công nghiệp, mảng nhựa gia dụng bắt đầu đi vào sản xuất năm 2018 với đầu tư lớn và chưa đóng góp được doanh thu trong giai đoạn đầu đã làm giảm lợi nhuận công ty.

## KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2017	% thực hiện 2018 so với 2017
1.	Doanh thu hợp nhất	2.181	1.504	145%
2.	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	15	87	17%
3.	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	12	73	16%
4.	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	15	83	18%
5.	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (VND/cp)	214	1.957	11%

Cùng với việc tích cực phát triển các mảng kinh doanh mới từ những năm trước và đẩy mạnh phân phối sản phẩm, thâm nhập thị trường, doanh thu hợp nhất của DNP Corp tăng 145% so với năm 2017. Tuy nhiên, chi phí hoạt động tăng cao và các khoản đầu tư lớn làm lợi nhuận hợp nhất và lợi nhuận cổ đông công ty mẹ giảm mạnh. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu giảm do lợi nhuận giảm và công ty phát hành thêm cổ phiếu năm 2018.



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO TỪNG MẢNG SẢN XUẤT KINH DOANH



### BAO BÌ

Năm 2018, mảng sản xuất kinh doanh bao bì tiếp tục phát triển ổn định. Sản lượng đạt 11.320 tấn, doanh thu 442 tỷ đồng, tăng lần lượt 23% và 34% so với năm trước. Dù chỉ đạt 91% về kế hoạch doanh thu năm 2018 do đặt kế hoạch cao, công ty đã bước đầu thâm nhập thành công vào các thị trường xuất khẩu mới và tìm được đối tác đầu tư cùng phát triển các sản phẩm bao bì giá trị cao hơn, là tiền đề tăng năng lực sản xuất và biên lợi nhuận trong mảng kinh doanh bao bì.



### NHỰA CÔNG NGHIỆP

Phát huy năng lực và hơn 40 kinh nghiệm sản xuất màng nhựa công nghiệp, năm 2018 Nhựa Tân Phú tiếp tục duy trì ISO 9001: 2015, ISO 15378 và HACCP, đã hoàn thiện nhà xưởng đạt chứng chỉ BRC ở chi nhánh Long An cho sản phẩm thực phẩm, đồng thời tăng cường khâu kiểm soát chất lượng, tích cực nghiên cứu áp dụng các giải pháp nâng công suất, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất.

Doanh thu mảng nhựa công nghiệp do Nhựa Tân Phú đóng góp năm 2018 đạt 613 tỷ đồng, tăng 32% so với 2017, nhờ tích cực khai thác tập khách hàng hiện hữu và phát triển kinh doanh, tiếp cận khách hàng được phẩm, mỹ phẩm, phát huy lợi thế xưởng ISO 15378. Công ty cũng tích cực phát triển khách hàng quốc tế, bước đầu thử nghiệm thành công mẫu cho khách hàng Nhật, đã có đơn hàng và sẽ giao hàng năm 2019.



### ỐNG NHỰA, PHỤ KIỆN VÀ VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC

Trên thị trường ống nhựa hạ tầng, Nhựa Đồng Nai tiếp tục khẳng định vị thế số 1 ngành cấp nước khu vực từ Quảng Bình trở vào. Trên thị trường dân dụng, hệ thống kênh phân phối cấp tỉnh tiếp tục được củng cố, phát triển, đồng thời ống nhựa dân dụng của Nhựa Đồng Nai cũng bước đầu được đón nhận qua kênh dự án qua việc đã cấp hàng cho 15 dự án của 10 chủ đầu tư. Doanh thu mảng ống nhựa tăng nhẹ 5% so với năm 2017 nhưng chỉ đạt 58% so với kế hoạch, do không đạt một số dự án hạ tầng lớn vì lý do cạnh tranh/chậm tiến độ. Tuy nhiên, mảng kinh doanh vật tư thiết bị ngành nước vừa được phát triển bổ sung trong năm 2018 đã đạt được doanh thu đáng kể, đóng góp đến 20% tỷ trọng tổng doanh thu ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước.



### NƯỚC SẠCH

Mảng nước sạch của DNP Corp đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong năm 2018: (i) Vốn điều lệ DNP Water tăng lên 1.780 tỷ đồng, (ii) dự án nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang hoàn thành và đi vào vận hành, (iii) công ty tiếp nhận thêm 3 đơn vị thành viên gồm Nước sạch 3 Hà Nội, Cấp thoát nước Bình Thuận và Cấp thoát nước Tây Ninh, (iv) tổng công suất thiết kế của các đơn vị thành viên, liên kết và dự án của DNP Water đã đạt 1 triệu m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Song song với việc phát triển quy mô, DNP Water đã cải thiện được hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên qua việc tăng cường quản lý vận hành, tích cực áp dụng các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất, mạng lưới... để tăng công suất và giảm tỷ lệ thất thoát nước, phát triển thành công phân mềm quản lý khách hàng làm tăng hiệu quả và chất lượng công tác ghi thu, hỗ trợ khách hàng... Kết quả là doanh thu mảng nước sạch tăng năm 2018 đạt 313 tỷ, tăng mạnh 172% so với năm 2017 và vượt gần gấp đôi kế hoạch năm 2018.



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY NGÀNH NƯỚC

### Lý do thực hiện

Nhu cầu nước sạch ở Việt Nam chưa được đáp ứng đủ, và còn tiếp tục tăng cao vì các yếu tố tăng trưởng kinh tế kéo theo việc cải thiện thu nhập và tiêu chuẩn sinh hoạt của người dân, sự phát triển của các khu đô thị, công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Song song với đó, quá trình cổ phần hóa trong ngành nước tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong năm 2018-2019 cùng theo chỉ thị của Quyết định 58/2016/QĐ-TTg và Quyết định 1232/2017/QĐ-TTg, theo sau là Chỉ thị 01/2019/CT-TTg của Chính phủ, tiếp tục thúc đẩy doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa. Trên thực tế cho thấy ngày càng nhiều doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào ngành nước, và các công ty nước sau cổ phần hóa đã cải thiện đáng kể trong hiệu quả hoạt động.

### Kết quả đầu tư

Năm 2018, DNP Water đã đầu tư thành công vào 10 công ty, nâng số lượng công ty thành viên và liên kết lên 15 với tổng công suất tăng thêm gần 500.000 m3/ngày đêm. Các đơn vị thành viên mới của công ty gồm CTCP Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội, CTCP Cấp thoát nước Bình Thuận, CTCP Cấp thoát nước Tây Ninh, là những đơn vị sản xuất và có mạng lưới bán lẻ nước sạch tại các đô thị lớn/địa bàn có nhu cầu và tiềm năng tăng trưởng cao về kinh tế, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, phù hợp với các tiêu chí đầu tư chiến lược của DNP Corp trong ngành nước.

## DỰ ÁN NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH DNP-BẮC GIANG

### Lý do thực hiện

Bắc Giang là tỉnh nằm trong quy hoạch kết nối vùng với thủ đô Hà Nội, là trung tâm kinh tế lớn của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và một trong các tỉnh/thành phố thu hút vốn đầu tư lớn nhất cả nước, có tốc độ phát triển kinh tế cao. Tuy nhiên, hạ tầng cấp nước chưa tương xứng với nhu cầu hiện tại và tiềm năng phát triển trong tương lai. Theo quy hoạch cấp nước, đến năm 2025 nhu cầu nước sạch tỉnh Bắc Giang sẽ lên tới 109.000 m3/ngđ và chạm mốc 155.000 m3/ngđ vào năm 2035. Đó là chưa tính tới các yếu tố đột phá do phát triển công nghiệp, đặc biệt là những dự án lớn. Trong khi đó, công suất cấp nước năm 2018 của CTCP Nước sạch Bắc Giang mới chỉ đạt 35.000 m3/ngđ, chỉ đáp ứng khoảng 30% nhu cầu. Do đó, DNP Corp đã đầu tư xây dựng dự án nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang để đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nước sạch của người dân và đón đầu nhu cầu sẽ phát triển nhanh chóng ở tỉnh Bắc Giang.

### Kết quả đầu tư

Tháng 8/2018, nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang chính thức hoàn thiện giai đoạn 1 với tổng công suất 30.000 m3/ngày đêm với nhiều kỷ lục về thực hiện dự án (i) thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư nhanh nhất (6 tháng), (ii) thời gian thực hiện dự án nhanh nhất (10 tháng), (iii) tuyến ống dài nhất (40km). Sau 6 tháng đi vào hoạt động, Nhà máy DNP-Bắc Giang hiện đang cấp ổn định 20.000 m3/ngày đêm, bổ sung nhu cầu ngày càng tăng của các khu dân cư, khu công nghiệp tại địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## CÁC DỰ ÁN NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH KHÁC

### Lý do thực hiện

Do hạ tầng cấp nước tại cả đô thị và nông thôn tại Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu nước sạch hiện tại và tăng trưởng trong tương lai, việc đầu tư xây dựng các nhà máy nước sạch mới là rất cần thiết, bên cạnh việc tăng công suất và hiệu quả hoạt động của các nhà máy nước hiện hữu. Tận dụng chuỗi giá trị ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước cùng năng lực thi công đường ống của Nhựa Đồng Nai và kinh nghiệm thực hiện, quản trị thành công các dự án cấp thoát nước, DNP Corp tìm kiếm cơ hội đầu tư xây dựng nhà máy nước sạch mới tại các địa bàn có nhu cầu lớn và tiềm năng phát triển cao về kinh tế, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, hướng đến mục tiêu gia tăng quy mô và năng lực cạnh tranh bền vững của công ty trong ngành nước sạch.

### Kết quả thực hiện

Ngoài việc hoàn thiện dự án tại Bắc Giang, dự án Nhà máy nước sạch Nhị Thành tại Long An cũng chính thức khởi công xây dựng năm 2018 và đã hoàn thiện 90% phần thô, 70% đường ống và lắp đặt thiết bị vào cuối năm, dự kiến bắt đầu vận hành giai đoạn 1 với công suất 30.000 m3/ngày đêm vào cuối tháng 4/2019.

Bên cạnh đó, công ty cũng đang triển khai đầu tư xây dựng các dự án nhà máy nước mới tại các địa bàn tiềm năng như Sơn Thạnh (tỉnh Khánh Hòa), Trảng Bàng (Tây Ninh), Hiệp Đức (Tiền Giang), các dự án xây dựng hệ thống cấp nước khu vực cận đô thị (Lạng Giang, Bến Tre ...)

## ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU NHỰA GIA DỤNG INOCHI

### Lý do thực hiện

Từ năm 2017, DNP Corp đã nghiên cứu và xác định đầu tư phát triển các sản phẩm nhựa gia dụng chất lượng cao để và xây dựng thương hiệu nhựa gia dụng Việt Nam cao cấp vì các lý do (i) nhu cầu thị trường nội địa đối với phân khúc này cao, chưa được đáp ứng đủ và có xu hướng tăng trưởng dài hạn, (ii) Nhựa Tân Phú có khả năng nâng cao năng lực sản xuất với sự hỗ trợ, tư vấn của các chuyên gia, đối tác Nhật Bản, và (iii) sản phẩm chất lượng cao cùng thương hiệu sẽ tạo nên chiến lược kinh doanh khác biệt và giá trị gia tăng lâu dài, vượt trội cho Nhựa Tân Phú so với thị công nhựa công nghiệp.

### Kết quả thực hiện

Sau giai đoạn nghiên cứu phát triển sản phẩm, lên thiết kế, chuẩn bị khuôn mẫu và dây chuyền công nghệ từ tháng 6/2017, đến tháng 5/2018, thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp Inochi chính thức ra mắt và nhóm sản phẩm đầu tiên là mắc áo bắt đầu được phân phối trên thị trường. Đến cuối năm 2018 Inochi đã có trong tay hơn 50 sản phẩm kết hợp: sản phẩm ép/ sản phẩm bao bì màng và sản phẩm nhập khẩu trực tiếp từ Nhật để thương mại. Từ tháng 6 đến tháng 12/2018 hệ thống phân phối sản phẩm Inochi cũng đã cơ bản được xây dựng với chiến lược phát triển chọn lọc các đại lý phân phối truyền thống và tập trung vào các kênh bán hàng hiện đại. Tính đến tháng 3/2019 sản phẩm Inochi đã có mặt tại hầu hết các tỉnh thành trong nước và các hệ thống siêu thị với gần 40 đại lý tại miền Bắc và miền Trung, 30 siêu thị lớn tại Hà Nội và TPHCM, hơn 150 cửa hàng, siêu thị vừa và nhỏ tại TPHCM, hơn 400 cửa hàng thuộc chuỗi Bách hóa xanh, toàn bộ hệ thống siêu thị Vinmart, toàn bộ hệ thống miền Bắc của chuỗi điện máy HC.



## ĐẦU TƯ HOÀN THIỆN DÂY SẢN PHẨM ỐNG NHỰA & PHỤ KIỆN

### Lý do thực hiện

Nhựa xây dựng chiếm tỷ trọng 27% ngành nhựa Việt Nam và dự đạ phát triển cao vì hạ tầng đô thị và nhu cầu nhà ở tại các đô thị Việt Nam còn rất lớn. Thị trường ống nhựa dân dụng có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp lớn và tính cạnh tranh cao. Việc Nhựa Đồng Nai đầu tư hoàn thiện dây sản phẩm ống nhựa và phụ kiện là cần thiết để xây dựng lợi thế cạnh tranh từ dây sản phẩm đầy đủ, phụ kiện đa dạng và tiện ích nhất, phù hợp với kinh doanh B2B, cung cấp sản phẩm các dự án dân dụng.

### Kết quả thực hiện

Các khoản đầu tư lớn vào sản xuất như dây chuyền, máy móc... về cơ bản đã hoàn thiện năm 2017. Năm 2018, Nhựa Đồng Nai chỉ đầu tư thêm một phần nhỏ để hoàn thiện dây sản phẩm như máy ép, khuôn..., Cũng trong năm 2018, tận dụng lợi thế từ ngành nước, Nhựa Đồng Nai đã ký kết chiến lược với các nhà cung ứng vật tư ngành điện nước (bơm, valse, đồng hồ, hoá chất, điện ...) cũng như chia sẻ các kinh nghiệm từ thiết kế, thi công đảm bảo thuận lợi và hiệu quả trong vận hành, từ đó khẳng định vị thế nhà cung cấp ống nhựa và phụ kiện với chuỗi sản phẩm đa dạng, đầy đủ nhất, đáp ứng được yêu cầu của mọi công trình.

## ĐẦU TƯ TĂNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG XƯỞNG BAO BÌ

### Lý do thực hiện

Bao bì là mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong ngành nhựa Việt Nam (trên 30%) và có tốc độ tăng trưởng cao nhất. Đối với Nhựa Đồng Nai, sản xuất bao bì xuất khẩu là mảng kinh doanh có sản lượng cao và ổn định, tăng trưởng đều qua các năm. Nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, cải thiện doanh thu và biên lợi nhuận, Nhựa Đồng Nai đã đầu tư tăng công suất và hiệu quả hoạt động của các xí nghiệp bao bì và phụ kiện năm 2018.

### Kết quả thực hiện

Nhựa Đồng Nai đã hoàn thành đầu tư xí nghiệp bao bì 3 và xí nghiệp phụ kiện trong năm, trang bị thêm các thiết bị (máy thổi, máy cắt, máy trộn...) và mở rộng, cải tạo kho chứa nguyên vật liệu để nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất. Công ty cũng đã nghiên cứu việc xây dựng xí nghiệp bao bì 4 với năng lực sản xuất đáp ứng các yêu cầu cao hơn, dành cho các sản phẩm có giá trị gia tăng cho phân khúc khách hàng cao hơn hiện tại, dự kiến sẽ triển khai trong năm 2019.

## ĐẦU TƯ TĂNG NĂNG SUẤT – TỰ ĐỘNG HÓA SẢN XUẤT NHỰA CÔNG NGHIỆP

### Lý do thực hiện

Mảng nhựa công nghiệp của DNP Corp có nhu cầu ổn định, gắn với tập khách hàng hiện hữu của Nhựa Tân Phú là các doanh nghiệp ngành thực phẩm – đồ uống, hóa mỹ phẩm, hàng tiêu dùng... Tuy nhiên, do biên lợi nhuận gia công nhựa công nghiệp không cao, để tối ưu hóa lợi nhuận trên các khoản đầu tư khuôn mẫu, máy móc ban đầu, Nhựa Tân Phú phải chú trọng công tác quản trị sản xuất, đảm bảo chất lượng, tăng năng suất và hiệu quả hoạt động để giảm thiểu lỗi sản phẩm và hàng trả lại, khai thác tối ưu các máy móc, khuôn mẫu đã đầu tư.

### Kết quả thực hiện

Với phương châm đầu tư chọn lọc, ưu tiên các dự án có nhu cầu lớn và khả năng khai thác lâu dài với chi phí và thời gian tối ưu, năm 2018 Nhựa Tân Phú đã đầu tư nhanh và trọng điểm các dự án mới về bao bì thực phẩm, hóa mỹ phẩm đã có cam kết từ phía khách hàng, và đầu tư bổ sung thiết bị ép phun cho một số khách hàng/sản phẩm đang quá tải công suất. Đặc biệt, công ty đầu tư mạnh cho tự động hóa, đặc biệt khâu hoàn thiện sản phẩm, để tăng năng suất và chất lượng, giảm chi phí nhân công.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31/12/2018	31/12/2017	
1.	Tổng tài sản	6.671	3.853	73%
2.	Vốn chủ sở hữu	1.746	968	80%
3.	Doanh thu thuần	2.181	1.504	45%
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19	89	-79%
5.	Lợi nhuận khác	-3	-2	-50%
6.	Lợi nhuận trước thuế	15	87	-83%
7.	Lợi nhuận sau thuế	12	73	-84%
8.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	15	83	-82%



## CƠ CẤU NGUỒN VỐN

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31/12/2018	31/12/2017	
1.	Nợ phải trả	4.924	2.884	71%
2.	Nợ ngắn hạn	1.825	1.292	41%
3.	Phải trả người bán ngắn hạn	167	108	55%
4.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5	7	-29%
5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	5	40%
6.	Phải trả người lao động	27	13	108%
7.	Chi phí phải trả ngắn hạn	42	12	250%
8.	Phải trả ngắn hạn khác	22	80	-73%
9.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.549	1.065	45%
10.	Nợ dài hạn	3.098	1.593	94%
11.	Vốn chủ sở hữu	1.745	968	80%
12.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	604	287	110%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.649</b>	<b>3.853</b>	<b>73%</b>

## CƠ CẤU TÀI SẢN

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31/12/2018	31/12/2017	
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.361</b>	<b>1.410</b>	<b>67%</b>
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	853	308	177%
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	261	103	153%
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	766	636	20%
4.	Hàng tồn kho	389	314	24%
5.	Tài sản ngắn hạn khác	92	49	88%
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.310</b>	<b>2.443</b>	<b>76%</b>
6.	Các khoản phải thu dài hạn	22	25	-12%
7.	Tài sản cố định	2.143	1.691	27%
8.	Tài sản dở dang dài hạn	1.020	146	599%
9.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	735	219	236%
10.	Lợi thế thương mại	334	332	1%
11.	Tài sản dài hạn khác	56	30	87%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.671</b>	<b>3.853</b>	<b>73%</b>

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		
		31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
<b>CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN</b>				
1.	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.03	1.09	1.29
2.	Hệ số thanh toán nhanh	0.2	0.32	0.61
<b>CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN</b>				
3.	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0.78	0.75	0.74
4.	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	3.54	2.98	2.82
<b>CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG</b>				
5.	Vòng quay hàng tồn kho	5.39	3.93	5.19
6.	Vòng quay các khoản phải thu	3.78	2.95	3.11
7.	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.58	0.39	0.33
<b>CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI</b>				
8.	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Doanh thu thuần	7%	5%	1%
9.	Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu	6%	9%	1%
10.	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Tổng tài sản	14%	2%	0.20%
11.	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	7%	6%	1%
12.	Thu thập trên cổ phần (EPS)	2,864	1,957	249

## PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2018, DNP Corp có tổng tài sản tăng mạnh, chủ yếu do việc đầu tư tăng quy mô trong ngành nước và thực hiện dự án nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang và Nhị Thành - DNP Long An. Việc huy động nguồn lực cho đầu tư dẫn đến việc tổng nợ phải trả tăng. Công ty đã chủ động tăng vốn đáp ứng nhu cầu cho đầu tư phát triển, nên hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm nhẹ.

Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty ở mức 1,29 lần và hệ số thanh toán nhanh 0,61 đều ở mức an toàn. Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 tăng lên thành 5,19 lần, giảm hiệu quả so với năm trước. Vòng quay các khoản phải thu ở mức 3,11 lần tăng nhẹ so với năm trước. Các chỉ số về khả năng sinh lời không được khả quan vì công ty chỉ lãi nhẹ năm 2018.



# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	% so với thực hiện 2018
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	2.481	2.181	114%
I	Ngành nước	Tỷ đồng	850	313	272%
II	Ngành nhựa	Tỷ đồng	1.831	1.868	98%
	Ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước	Tỷ đồng	633	808	78%
	Bao bì	Tỷ đồng	532	442	120%
	Nhựa công nghiệp	Tỷ đồng	601	613	98%
	Nhựa gia dụng	Tỷ đồng	65	5	1300%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15	15	100%
	Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ LTTM và khấu hao sau hợp nhất)	Tỷ đồng	102	96	106%

- Ống nhựa và phụ kiện và vật tư ngành nước: Duy trì hoạt động ổn định mảng kinh doanh hạ tầng, đẩy mạnh tăng trưởng mảng kinh doanh dân dụng sau giai đoạn đầu tư, ổn định sản xuất và phát triển kinh doanh từ năm 2017-2018. Tiếp tục kinh doanh mảng vật tư ngành nước.

- Bao bì: Dự kiến sản lượng tăng sau đầu tư mở rộng nhà xưởng và cải thiện hiệu suất năm 2018, doanh thu tăng 20%.

- Nhựa công nghiệp: duy trì sản xuất và kinh doanh ổn định, doanh thu tăng nhẹ so với năm 2018.

-Nhựa gia dụng: Tích cực phát triển sản xuất trên cơ sở hạ tầng, khuôn mẫu đã đầu tư và các kênh phân phối đã được xây dựng. Đặt kế hoạch doanh thu 65 tỷ năm 2019.

-Nước sạch: Dự kiến doanh thu tăng mạnh do hợp nhất được các đơn vị thành viên gia nhập năm 2018, cải thiện kết quả các đơn vị thành viên, tăng công suất DNP-Bắc Giang và dự án Nhị Thành DNP-Long An đi vào hoạt động.

Lợi nhuận chung: Ưu tiên năm 2019 vẫn là tiếp tục đầu tư phát triển quy mô ngành nước, tận dụng cơ hội trong giai đoạn cuối thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp trong ngành và hoàn thiện các dự án đã đầu tư và vẫn do ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất phân bổ Lợi thế thương mại sau hợp nhất, nên dự kiến lợi nhuận hợp nhất của DNP Corp duy trì ở mức 15 tỷ đồng. Trừ năm 2021 trở đi, dự kiến lợi nhuận từ các đơn vị con ngành nước sẽ được hợp nhất toàn bộ và kéo theo mức tăng trưởng vượt trội cho DNP Corp về lợi nhuận.

# CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

- Ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước: Phát triển thương hiệu và kinh doanh dựa trên thế mạnh dây sản phẩm và giải pháp tổng thể cho hạ tầng cấp thoát nước nước (ống nhựa, phụ kiện, tấm lạng lamella nội địa hóa, đồng hồ, máy bơm cùng công nghệ kỹ thuật thi công mạng lưới tiên tiến); xây dựng chương trình khách hàng B2B ưu tiên, khai thác mạng lưới khách hàng công ty cấp nước hiện hữu và bán chéo sản phẩm vào các dự án đầu nối cấp nước của các đơn vị thành viên/đối tác tại khu công nghiệp, khu đô thị, du lịch, dân cư...

- Bao bì: Duy trì sản lượng cao và ổn định 3 nhà máy hiện hữu, tăng hiệu quả sản xuất để cải thiện biên lợi nhuận. Đầu tư nhà máy thứ 4 sản xuất các sản phẩm tiêu chuẩn cao hơn, đáp ứng yêu cầu của các thị trường, khách hàng mới.

- Nhựa công nghiệp: Khai thác tối ưu các máy móc, khuôn mẫu đã đầu tư, tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm ngay từ khâu sản xuất, tự động hóa tăng năng suất... nhằm ổn định chất lượng, cắt giảm chi phí sản xuất.

- Nhựa gia dụng: Tiếp tục khai thác thế mạnh khác biệt của sản phẩm như dẫn đầu về số mẫu sản phẩm kệ nhựa, thùng rác đủ chủng loại, dung tích,

kiểu dáng. Phát triển các loại hộp thực phẩm/ hộp gia vị/ thùng chứa... có ion bạc kháng khuẩn, tham gia nhóm sản phẩm mẹ và bé... Về kênh phân phối, tập trung phủ kín các tỉnh thành trên kênh truyền thống qua việc chọn lọc đại lý lớn, tập trung phát triển kênh phân phối hiện đại (siêu thị, cửa hàng tiện ích...) và kênh online.

- Nước sạch: Tiếp tục tăng quy mô ngành nước sạch qua việc đầu tư vào các công ty nước có tiềm năng, hoàn thiện dự án nhà máy nước Nhị Thành; cải thiện hiệu quả hoạt động của các công ty nước hiện hữu (nâng công suất, giảm tỷ lệ thất thoát...); đảm bảo chất lượng nước và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng qua việc ứng dụng hệ thống quản lý quan hệ khách hàng...

- Tài chính – Quản trị: Phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác công nghệ - tài chính trong việc cải thiện hiệu quả vận hành, tìm cơ hội huy động nguồn lực phát triển hơn nữa quy mô công ty. Tăng cường quản lý nguồn lực, quản lý chi phí chặt chẽ tại các đơn vị và dự án, xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, khuyến khích cải tiến, sáng tạo và đánh giá công việc dựa trên kết quả để tăng năng suất làm việc của DNP Corp.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018



Năm 2018 ghi dấu ấn đặc biệt thay đổi toàn diện hoạt động của DNP đối với cả hai mảng kinh doanh chính: ngành nước và ngành nhựa.

Đối với ngành nước, DNP đã đạt được những kết quả tích cực về tăng trưởng quy mô cũng như những đột phá để tái cấu trúc và thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên. Cụ thể, tổng công suất thiết kế của các nhà máy nước do DNP đầu tư sở hữu và phát triển xây dựng mới đã đạt mốc 1 triệu m<sup>3</sup>/ngày đêm. DNP đồng thời còn được ghi nhận là một trong các nhà phát triển các dự án nước sạch cho người dân lớn tại Việt Nam với tốc độ triển khai quyết liệt và nhanh chóng. Đồng hành cùng phát triển ngành nước với DNP có sự tham gia của Kobelco Nhật Bản với vai trò nhà cung cấp công nghệ tiên tiến, Công ty CP Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu với vai trò cố vấn triển khai quản lý vận hành hiệu quả và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC thuộc Nhóm Ngân hàng thế giới) với vai trò đối tác tài chính cùng đầu tư và xây dựng lộ trình cải tiến nâng cấp hệ thống theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhờ đó, các đơn vị thành viên trong ngành nước đã được tăng cường quản lý vận hành, áp dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tối ưu vào công tác sản xuất, quản lý mạng cấp nước, ghi thu..., giúp giảm tỷ lệ thất thoát, tăng hiệu quả vận hành, tạo nguồn lực để tăng khả năng tiếp cận thị trường với nhu cầu nước sạch ngày càng lớn và từ đó tăng doanh thu, cải tiến chất lượng dịch vụ cấp nước cho người dân, xây dựng tiền đề để khai thác các giá trị từ tệp khách hàng sẵn có và từ 10 triệu dân số tiềm năng tại các phân vùng cấp nước hiện hữu...

Đối với ngành nhựa, năm 2018 là một năm khó khăn vì diễn biến giá nguyên vật liệu tăng nhanh theo tốc độ tăng của giá dầu, trong khi chi phí nguyên vật liệu lại chiếm tới 60-70% giá thành đã ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận của công ty. Ngành nhựa



trong năm cũng đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ lớn mới gia nhập thị trường, cộng hưởng càng làm hiệu quả kinh doanh giảm sút. Trước bối cảnh đó, HĐQT và Ban điều hành đã bám sát tình hình, phân tích các yếu tố tác động, dự báo các ảnh hưởng, từ đó xây dựng định hướng chiến lược phát triển và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Theo đó, một mặt duy trì và phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của các tài sản hiện hữu, mặt khác chuẩn bị những điều kiện cần thiết để chuyển dịch sang nhóm sản phẩm bền vững hơn, ít chịu ảnh hưởng bởi tác động từ giá dầu. Cụ thể, đối với mảng kinh doanh ống nhựa và phụ kiện nhựa, thay vì chỉ cung cấp sản phẩm, DNP tận dụng lợi thế của ngành nước để cung cấp gói sản phẩm và dịch vụ giàu giá trị gia tăng: bao gồm ống và phụ kiện cho cấp thoát nước, vật tư ngành nước, điện, bơm, van, đồng hồ... kèm các dịch vụ tư vấn giải pháp tổng thể từ thiết kế, ứng dụng, thi công, khả năng tích hợp và phát triển...

Đối với mảng bao bì mềm, với kinh nghiệm sẵn có tại thị trường Châu Âu và nhu cầu ngày càng tăng của các dòng sản phẩm túi ni lông xuất khẩu, DNP tiếp tục mở rộng để nắm bắt và tiếp cận các thị trường rất tiềm năng tại

thị trường Úc, Nhật Bản và Mỹ. Riêng trong năm 2018, DNP đã tăng công suất sản xuất lên 30% và trong vòng 5 tháng đã chạy 100% công suất để đáp ứng các đơn hàng mới. Đây là mảng kinh doanh nhiều tiềm năng, giúp công ty có nguồn ngoại tệ và dòng tiền luân chuyển tốt, để cân bằng với dòng tiền dài từ mảng kinh doanh ống nhựa và phụ kiện nhựa.

Đối với mảng nhựa công nghiệp khách hàng doanh nghiệp (B2B), do nhu cầu vẫn rất lớn nên công ty vẫn duy trì được doanh thu ổn định. Để giảm tác động từ biến động giá dầu, công ty đã thực hiện tái cấu trúc nhóm khách hàng mục tiêu và sản phẩm theo hướng nâng tỷ trọng các sản phẩm có biên lợi nhuận tốt (như bao bì nhựa cho hoá chất, thực phẩm, thuốc bảo vệ thực vật...), và giảm tỷ trọng các sản phẩm biên lợi nhuận thấp (như chai pet cỡ nhỏ...). Đồng thời không đầu tư thêm để giảm thiểu rủi ro đầu tư.

Mảng nhựa gia dụng đã phát triển nhanh chóng với những kết quả đáng khích lệ: chính thức ra mắt thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp Inochi sau 1 năm nghiên cứu, phát triển sản phẩm và chuẩn bị sản xuất; phát triển thành công 50 sản

phẩm, 200 SKU gồm mắc áo, kệ đa năng, màng bọc thực phẩm, túi rác, thùng rác... Các sản phẩm Inochi đã được phân phối tại các hệ thống siêu thị và đại lý trên cả nước và được người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng, tiện ích và mẫu mã thanh lịch, hiện đại.

Năm 2018 còn là một năm thành công của DNP trong việc huy động vốn để bổ sung nguồn lực tài chính lành mạnh cho mục tiêu phát triển mạnh mẽ trong dài hạn. Nổi bật là công ty mẹ DNP Corp đã tăng vốn điều lệ thành công từ 500 tỷ lên 1.000 tỷ đồng; công ty con ngành nước DNP Water cũng đã tăng vốn điều lệ lên 1.780 tỷ đồng (từ 950 tỷ); IFC đã thực hiện giải ngân toàn bộ cam kết đầu tư 24,9 triệu USD cho ngành nước; DNP phát hành thành công 200 tỷ trái phiếu cho ngân hàng nội địa và đạt thoả thuận phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 20 triệu USD với Công ty đầu tư Asia Environmental Partners (AEP), đơn vị thành viên của Olympus Capital Asia đầu năm 2019.



CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	2.181	2.461	89%
i	Ngành nước	-	313	171	183%
ii	Ngành nhựa	-	1.868	2.290	82%
	Ống và phụ kiện nhựa và vật tư ngành nước	-	808	1.074	75%
	Nhựa công nghiệp	-	613	700	88%
	Nhựa gia dụng	-	5	30	17%
	Bao bì mềm	-	442	486	91%
2	Lợi nhuận trước thuế	-	15	180	8%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12	150	8%
4	Tỷ lệ cổ tức năm 2017 chia trong năm 2018 (bằng cổ phiếu)	%	12,997%	13%	100%
5	Tỷ lệ cổ tức năm 2018 dự kiến	%	0%	15%	0%
6	Tỷ suất lợi nhuận thuần	%	0,6%	6,1%	10%
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1	1	100%

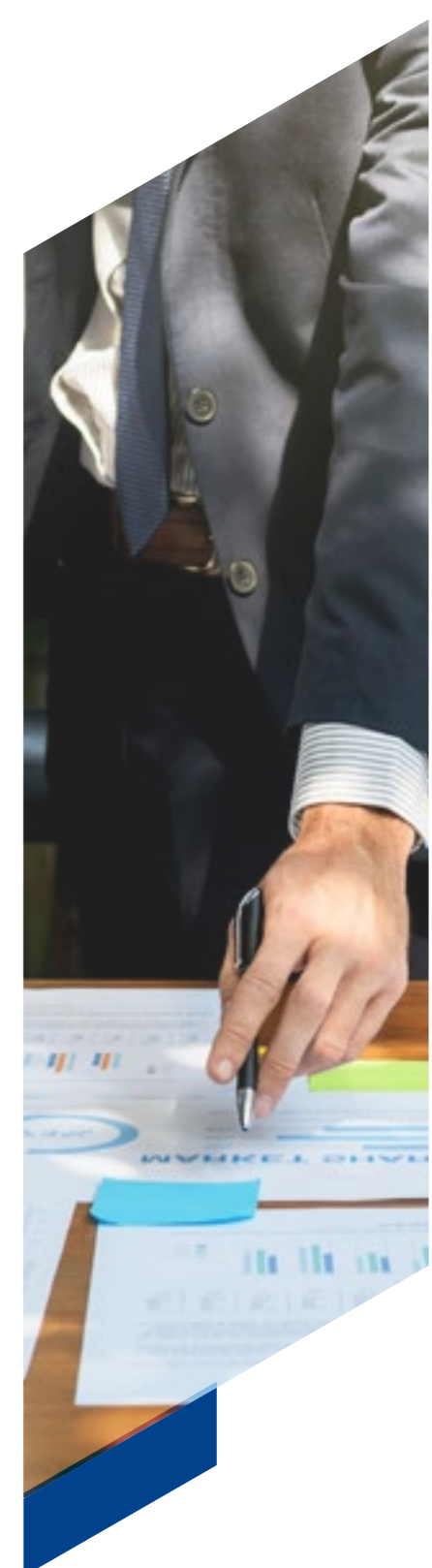
Kết quả tổng hoà các yếu tố trên đã được phản ánh đầy đủ trên báo cáo tài chính năm 2018. Doanh thu hợp nhất năm 2018 của Công ty tăng 45% so với doanh thu thực hiện năm 2017, những vẫn thấp hơn kế hoạch chủ yếu do ảnh hưởng của ngành nhựa. Trong khi ngành nước có mức doanh thu vượt xa kế hoạch 183% khi có sự gia nhập thêm của các công ty thành viên ngành nước, thì ngành nhựa chỉ đạt 82% kế hoạch do Công ty chủ động duy trì mức doanh thu tập trung vào các sản phẩm vẫn còn biên lợi nhuận dương, và không cạnh tranh giảm giá bằng mọi giá. Chỉ tiêu lợi nhuận chỉ đạt 10% kế hoạch, một phần do ảnh hưởng của biên lợi nhuận ngành nhựa sụt giảm khi giá nguyên vật liệu tăng cao, và một phần do ảnh hưởng của các bút toán kế toán hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) phân bổ Lợi thế thương mại và giá trị tài sản tăng lên do M&A các đơn vị thành viên ngành nước. Về mặt bản chất, các bút toán kế toán trên không phải là chi phí bằng tiền và không ảnh hưởng đến giá trị các công ty sau đầu tư, và theo Chuẩn mực kế toán Quốc tế (IFRS)

thì sẽ không xuất hiện các bút toán này. Nếu loại bỏ ảnh hưởng của các bút toán kế toán hợp nhất, thì lợi nhuận hợp nhất DNP sẽ ở mức 96 tỷ đồng, tương đương 64% số kế hoạch. Trong năm 2018, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp, cùng với ban TGD thảo luận, phân tích đánh giá và đưa ra những quyết định quan trọng để liên quan đến sự phát triển và chiến lược của DNP Corp. Định kỳ hàng tháng, các thành viên thường trực HĐQT cùng làm việc để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời đưa ra các giải pháp để tăng hiệu quả đầu tư và giám sát thực hiện của ban điều hành. Trong năm 2018, HĐQT và Ban lãnh đạo cũng đã tham gia sâu sát vào quá trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, chuyên nghiệp, xây dựng và phát triển thị trường mới... và khẩn trương triển khai để nhanh chóng hoàn thành các các dự án xây dựng nhà máy nước sạch và phát triển thị trường/sản phẩm kinh doanh mới trong ngành nhựa.

## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019

HĐQT nhận định năm 2019 tiếp tục là một năm nhiều thách thức từ các yếu tố cạnh tranh, chi phí tăng (gồm giá điện, nước, nhân công...), rủi ro biến động giá nguyên vật liệu và lãi suất tăng, v.v. HĐQT đưa ra định hướng tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động tại tất cả các đơn vị thành viên, khai thác tối ưu các tài sản/dự án đã đầu tư và tích cực và sát sao cùng Ban Điều hành thực hiện các hoạt động:

- Tiếp tục tăng hiệu suất lao động, quản trị chi phí, cải tiến sản xuất, phát triển kinh doanh trong ngành nhựa, hoàn thành và đưa vào khai thác tối ưu các dự án đã đầu tư, đặc biệt là mảng ống nhựa dân dụng và nhựa gia dụng;
- Cùng cố hoạt động của các đơn vị trong ngành nước, cải thiện hiệu quả vận hành, đảm bảo chất lượng nước luôn đạt chuẩn, áp dụng kỹ thuật tiên tiến và công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý mạng, dịch vụ khách hàng;
- Tiếp tục thực hiện các hoạt động M&A các công ty có tiềm năng trong mảng nước sạch và triển khai dự án nhà máy nước sạch tại các địa phương đáp ứng nhu cầu cấp thiết, tiềm năng phát triển cao;
- Tiếp tục tái cấu trúc dư nợ và nguồn vốn của toàn DNP Corp và các đơn vị thành viên phù hợp với nhu cầu phát triển và thực hiện các dự án.







**1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	2.181	2.481	114%
i	Ngành nước	-	313	850	272%
ii	Ngành nhựa	-	1.868	1.831	98%
-	Ống và phụ kiện nhựa và vật tư ngành nước	-	808	633	78%
-	Nhựa công nghiệp	-	613	601	98%
-	Nhựa gia dụng	-	5	65	1300%
-	Bao bì mềm	-	442	532	120%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15	15	100%
-	Lợi nhuận sau loại trừ ảnh hưởng bút toán hợp nhất phân bổ Lợi thế thương mại và giá trị tài sản tăng lên sau M&A	Tỷ đồng	96	102	106%
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1	1	100%

**2. Giải pháp thực hiện**



- Tăng cường rà soát các dự án đã đầu tư và quản lý hoạt động tại các đơn vị, quản lý tối ưu chi phí, hoàn thiện quy trình chuẩn và áp dụng các chương trình cải tiến sản xuất, phát triển kinh doanh;



- Phối hợp chặt chẽ với các đối tác chiến lược về công nghệ, vận hành và phát triển kinh doanh để tăng hiệu quả hoạt động và tăng doanh thu tại các đơn vị;



- Tiếp tục huy động nguồn lực và các cơ hội hợp tác để tìm kiếm, triển khai các cơ hội M&A và thực hiện dự án trong ngành nước;



- Áp dụng công nghệ thông tin, triển khai hệ thống phân tích và quản trị dữ liệu tập trung, phát triển hệ thống ERP toàn diện cho ngành nước, chuẩn bị các cơ hội khai thác thế mạnh của mạng lưới khách hàng rộng khắp cả nước.



- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc tích cực, hiện đại, quyết liệt, tăng cường đào tạo phát triển nhân sự để xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của công ty.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY





# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của CTCP Nhựa Đồng Nai (DNP Corp) được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNP.

Đến ngày 21/3/2019 vốn điều lệ của DNP là 1.000.053.500.000 đồng được chia thành 100.008.535 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.



	31/12/2018	31/12/2017
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99,999,715	50.092.710
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ*:	8810	10
Tổng số lượng cổ phiếu:	100008535	50.092.720

(\*) trong năm 2018 có mua lại cổ phiếu ESOP của người lao động để làm cổ phiếu quỹ

## Theo danh sách cổ đông tại ngày 21/3/2019

	Số lượng CP nắm giữ	% sở hữu
Cổ đông Nhà nước	0	0
<b>1. TRONG NƯỚC</b>	<b>98.434.133</b>	<b>98,43%</b>
a. Cá nhân	57.751.336	57,75%
b. Tổ chức	40.682.797	40,68%
<b>2. NƯỚC NGOÀI</b>	<b>1.565.592</b>	<b>1,45%</b>
a. Cá nhân	1.446.009	0,12%
b. Tổ chức	119.583	0,12%
<b>3. CỔ PHIẾU QUỸ</b>	<b>8.810</b>	<b>0,01%</b>
<b>TỔNG SỐ LƯỢNG CP NIÊM YẾT</b>	<b>100.008.535</b>	<b>100%</b>
<b>CỔ ĐÔNG LỚN</b>	<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	<b>% sở hữu</b>
Công ty cổ phần Đầu tư VSD	10.374.442	10,37%
Ông Vũ Đình Độ	10.062.620	10,06%
Công ty cổ phần Đầu tư Châu Á Thống Nhất	8.383.588	8,38%
Công ty TNHH Capella Group	7.170.551	7,17%
Công ty cổ phần SAM Holdings	6.748.200	6,75%
Ông Hoàng Anh Tuấn	5.148.981	5,15%
<b>TỔNG</b>	<b>47.888.382</b>	<b>47,88%</b>

SỞ HỮU CỦA BAN LÃNH ĐẠO	Số lượng CP nắm giữ	% sở hữu	Chức vụ
Ông Vũ Đình Độ	10.062.620	10,06%	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Đức Vũ	521.036	0,52%	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiếu	485.376	0,49%	TGĐ/Thành viên HĐQT
Bà Phan Thị Thu Thảo	188.394	0,19%	PTGĐ/Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thế Minh	469.290	0,47%	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Hữu Chuyên	757.004	0,76%	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Thái Sơn	24.918	0,02%	Kế Toán Trưởng
<b>TỔNG</b>	<b>12.508.638</b>	<b>12,51%</b>	

**Danh sách Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch	08/04/2017
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch	31/07/2017
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	08/04/2017
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên	08/04/2017
Ông Mai Thế Khôi	Thành viên	08/04/2017

**Danh sách Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm
Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban	08/04/2017
Bà Lương Thị Hương	Thành viên	08/04/2017
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên	08/04/2017

**Danh sách Ban Điều hành**

Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ tại đơn vị thành viên	Chức năng nhiệm vụ
Ông Trần Hữu Chuyên	Nhựa Đồng Nai	Phó Tổng Giám đốc	Phụ trách khối kỹ thuật của Nhựa Đồng Nai
Bà Phan Thị Thu Thảo	DNP Corp	Phó Tổng Giám đốc	Quản lý văn phòng HĐQT DNP Corp, phụ trách Khối đầu tư tài chính, các khối hỗ trợ
Ông Nguyễn Thế Minh	DNP Corp	Phó Tổng Giám đốc	Phụ trách phát triển dự án mới của DNP Corp, phụ trách cố vấn cấp cao cho HĐQT trong các vấn đề hoạch định chiến lược phát triển của toàn DNP Corp
Ông Hoàng Anh Tuấn	Nhựa Tân Phú	Tổng Giám đốc	Điều hành chung Nhựa Tân Phú
Ông Ngô Đức Trung	Nhựa Tân Phú	Phó Tổng Giám đốc	Phụ trách kỹ thuật và hoạt động sản xuất của Nhựa Tân Phú
Ông Vũ Quốc Toàn	Nhựa Tân Phú	Phó Tổng Giám đốc	phụ trách hoạt động vận hành thường xuyên của Nhựa Tân Phú
Ông Lê Tuấn	DNP Water	Tổng Giám đốc	Điều hành chung DNP Water
Ông Ngô Đức Vũ	DNP Water	Phó Tổng giám đốc	Phụ trách phát triển dự án và quản lý vận hành các đơn vị thành viên ngành nước tại miền Nam
Ông Ngô Thành Chung	DNP Water	Phó Tổng Giám đốc	Phát triển dự án và quản lý vận hành các đơn vị thành viên miền Bắc
Ông Phạm Thành Thái Lĩnh	DNP Water	Phó Tổng Giám đốc	Phát triển dự án và quản lý vận hành các đơn vị thành viên ngành nước tại miền Bắc
Ông Nguyễn Danh Hiếu	DNP Corp	Giám đốc Công nghệ Thông tin	Phụ trách phát triển hệ thống CNTT và ứng dụng CNTT vào hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thành viên

**THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS NĂM 2017**

STT	Nội dung	Số lượng	Tổng thù lao
1.	Hội đồng quản trị	5	60.000.000
2.	Ban kiểm soát	3	48.000.000
3.	Tổng	8	108.000.000

Trong đó mức thù lao chi tiết như sau:

- Chủ tịch HĐQT: **0 đồng/tháng**
- Phó Chủ tịch HĐQT: **0 đồng/tháng**
- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm Ban Điều hành: **0 đồng/tháng**
- Thành viên HĐQT độc lập: **5.000.000 đồng/tháng**
- Trưởng Ban kiểm soát: **0 đồng/tháng**
- Thành viên Ban kiểm soát độc lập: **4.000.000 đồng/tháng**





# NHÂN SỰ CHỦ CHỐT





**ÔNG VŨ ĐÌNH ĐỘ -  
Chủ tịch HĐQT DNP Corp**

Ông Độ có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng trong các lĩnh vực đầu tư, vận hành và quản trị doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp, kế toán - kiểm toán. Trước đây, ông có gần 3 năm làm kiểm toán viên tại KPMG Việt Nam và 1 năm làm việc tại KPMG Singapore. Từ năm 2007 đến năm 2011, ông trải qua các vị trí cấp cao về phân tích, đầu tư, thị trường vốn, M&A và công cụ phái sinh tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn, CTCP Chứng khoán VNDirect và CTCP Chứng khoán Maritime Bank. Ông gia nhập DNP từ năm 2012 với vai trò Giám đốc điều hành (COO) và trở thành Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT từ 2014.



**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT  
DNP WATER**

Ông Tanaka đã có kinh nghiệm 40 năm quản lý, điều hành tại các tập đoàn lớn của Nhật Bản, trong đó có vị trí giám đốc điều hành của các công ty thành viên thuộc tập đoàn Kobelco tại các nước Mỹ, Việt Nam, Nhật Bản, Nigeria, Bangladesh. Ông tham gia DNP Water từ năm 2017 với vị trí Tổng Giám đốc công ty, phụ trách tổ chức xây dựng đội ngũ chuyên gia Nhật Bản, chuyển giao kinh nghiệm quản trị và công nghệ xử lý nước của Nhật Bản cho các nhà máy nước của DNP Water. Năm 2018, ông được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch HĐQT của công ty.

ÔNG HIDEAKI TANAKA



**Thành viên HĐQT  
DNP Corp, TGD  
CTCP Nhựa Đồng Nai**

Ông Hiếu tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 2004, có 3 năm kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán quốc tế và 5 năm làm Giám đốc tài chính cấp tập đoàn tại T&C Holding (quy mô doanh thu 2.500 tỷ, vốn điều lệ 500 tỷ, thành viên sáng lập hãng hàng không VietjetAir). Ông gia nhập DNP từ năm 2012, đảm nhận các vị trí quan trọng trong quá trình tái cấu trúc của DNP Corp như Giám đốc kinh doanh (2013), Phó Tổng Giám đốc điều hành (2015). Năm 2017, ông được bầu vào HĐQT DNP Corp và giữ vai trò Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Đồng Nai.

ÔNG NGUYỄN VĂN HIẾU



**Phó Chủ tịch HĐQT  
DNP Corp**

Ông Vũ có bằng Thạc sĩ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCPEAP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CPCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung, TGD CTCP Nhựa Đồng Nai. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Corp.

ÔNG NGÔ ĐỨC VŨ



**Thành viên HĐQT,  
Phó TGD DNP Corp**

Với hơn 12 năm kinh nghiệm làm việc đầu tư và kiểm toán tại Công ty VietFund Management và KPMG Viet Nam, bà có hiểu biết sâu rộng trong các lĩnh vực xây dựng chiến lược đầu tư, quản lý đầu tư, phân tích dự báo về thị trường, tài chính, và các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam để đưa ra kế hoạch và triển khai đầu tư hiệu quả. Năm 2016, bà gia nhập DNP Corp với chức vụ Giám đốc Đầu tư, phụ trách quản trị đầu tư và giám sát hiệu quả chung của DNP Corp và các đơn vị thành viên, thiết lập và xây dựng tổ chức văn phòng HĐQT trong quá trình cấu trúc DNP Corp theo mô hình công ty đầu tư (investment holding). Năm 2017, bà được bầu vào HĐQT DNP Corp và giữ vai trò Phó Tổng giám đốc DNP Corp.

BÀ PHAN THỊ THU THẢO



**Thành viên HĐQT  
DNP Corp**

Ông Khôi tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Đầu tư tài chính (Trường Cass Business School London, UK), có chuyên môn và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư. Ông từng là Chuyên viên phân tích tài chính tại Clifton Asset Management Ltd (UK) và hơn hai năm làm việc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (NSI) với chức vụ cao nhất là Phó Tổng Giám đốc phụ trách hoạt động Tư vấn Đầu tư. Hiện nay, Ngoài vị trí thành viên HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tham gia từ tháng 4/2017), ông còn là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương.

ÔNG MAI THẾ KHÔI



**Phó TGD DNP Corp**

Ông Minh là một chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Việt Tín, CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, CTCP Chứng khoán Hải Phòng, CTCP Chứng khoán Maritime Bank, và Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán SHB. Tháng 8/2018, ông Minh gia nhập DNP Corp với tư cách là Trưởng Ban cố vấn cấp cao, và sau đó được bổ nhiệm Phó TGD DNP Corp vào tháng 2/2019.

ÔNG NGUYỄN THẾ MINH





ÔNG LÊ TUẤN

**Tổng Giám đốc DNP Water**

Ông Tuấn tốt nghiệp trường Đại học Bucknell, Pennsylvania, USA. Trước khi gia nhập DNP Water, ông có hơn 10 năm kinh nghiệm đầu tư và quản lý đầu tư trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, hạ tầng và bất động sản ở các quỹ đầu tư và định chế tài chính trong và ngoài nước như Mekong Capital, Macquarie Group (Mỹ) và Tập đoàn T&T. Ông gia nhập DNP Water năm 2017 với vai trò Giám đốc đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư của công ty. Năm 2018, ông được bổ nhiệm Tổng Giám đốc DNP Water phụ trách điều hành công ty.



ÔNG PHẠM THÀNH THÁI LĨNH

**Phó TGD DNP Water**

Ông Lĩnh tốt nghiệp Tiến sỹ Tài chính Đại học Monash (Úc), có hơn 12 năm kinh nghiệm phân tích, quản lý đầu tư chứng khoán tại Việt Nam. Ông đã làm việc tại Ngân hàng Macquarie, phụ trách hoạt động đầu tư tại CTCP Chứng khoán Bảo Việt, đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc CTCP Bất động sản Điện lực Miền trung và Thành viên HĐQT của nhiều công ty đại chúng. Năm 2016, ông Lĩnh gia nhập DNP Corp, phụ trách tìm kiếm và thực hiện các cơ hội đầu tư cho DNP Corp và DNP Water. Năm 2018, ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc DNP Water phụ trách hoạt động đầu tư phát triển để tăng quy mô và vị thế của công ty trong ngành nước.



ÔNG TRẦN HỮU CHUYÊN

**Phó Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Đồng Nai**

Ông Chuyên đã làm việc cho DNP hơn 30 năm, có kinh nghiệm chuyên sâu về ngành nhựa. Ông từng giữ chức vụ Phó Giám đốc xí nghiệp, Tổng Giám đốc Nhựa Đồng Nai. Hiện tại, ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD sản xuất Ông nhựa của CTCP Nhựa Đồng Nai.



ÔNG HOÀNG ANH TUẤN

**Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Tân Phú**

Ông Hoàng Anh Tuấn có bằng thạc sỹ Quản lý kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân, và đã gia nhập DNP Corp từ năm 2012, đảm nhiệm nhiều vị trí trong công tác kinh doanh, vận hành tại CTCP Nhựa Đồng Nai trước khi được bổ nhiệm Kế toán trưởng năm 2015 và kiêm thêm chức vụ Giám đốc vận hành năm 2017. Tháng 11/2018, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành CTCP Nhựa Tân Phú. Đến tháng 2/2019, ông được Đại hội đồng cổ đông CTCP Nhựa Tân Phú bầu làm Thành viên HĐQT, đồng thời HĐQT bổ nhiệm ông Tuấn chức vụ Tổng Giám đốc điều hành công ty.



ÔNG NGÔ THÀNH CHUNG

**PHÓ TGD DNP WATER**

Tốt nghiệp thạc sỹ Đại học Queensland – Úc, ông Chung có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng trong các ngành Quản trị, Tài chính, Luật. Ông đã tham gia quản trị các dự án đầu tư lớn như dự án bất động sản Sài Đồng – Hà Nội, Khu đô thị Mê Linh 204 ha, Khu đô thị Nghi Sơn - Thanh Hoá 31 ha, nâng cấp tổng kho Đình Vũ... Trước khi gia nhập DNP Corp, ông đã đảm nhiệm các vị trí Phó tổng giám đốc phụ trách đầu tư và tài chính CTCP Địa ốc Đất Xanh Miền Bắc, Tổng giám đốc CTCP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dầu Khí Việt Hải, Tổng Giám đốc CTCP đầu tư Sóng Xanh, PGĐ đầu tư CTCP quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội... Năm 2017, ông chung là Giám đốc phát triển dự án của DNP Water. Năm 2018, ông được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc công ty, phụ trách vận hành và thực hiện dự án.



ÔNG NGUYỄN DANH HIẾU

**GIÁM ĐỐC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN DNP CORP**

Ông Hiếu có nhiều năm kinh nghiệm trong việc triển khai xây dựng kiến trúc, nền tảng phần mềm, hiện đại hóa hạ tầng Công nghệ thông tin tại các đơn vị FPT Trading, CTCP Thông tin Hapro, FPT Software... Gia nhập DNP Corp, vai trò của ông là tổ chức xây dựng hệ thống công nghệ thông tin trong quản trị, trong đó có hệ thống SCADA để theo dõi hiệu quả vận hành các nhà máy nước, áp dụng và phát triển các ứng dụng trên máy tính/ điện thoại trong việc phát triển thị trường mới và quản trị tập trung, tăng tính tự động hóa trong xử lý dữ liệu và vận hành.



ÔNG VŨ QUỐC TOÀN

**Phó TGD Nhựa Tân Phú**

Ông Vũ Quốc Toàn tốt nghiệp Kỹ sư chuyên ngành Máy tính - Đại học Bách Khoa TPHCM. Ông bắt đầu công tác tại CTCP Nhựa Đồng Nai từ năm 2008 với vị trí Trưởng phòng Công nghệ thông tin, sau đó là các vị trí Trưởng phòng Hành chính Nhân sự, Giám đốc Vật tư. Với kinh nghiệm và hiểu biết sâu rộng về ngành và công ty, cùng với kỹ năng quản lý, áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của doanh nghiệp, tháng 2/2019, ông Toàn được HĐQT bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành CTCP Nhựa Tân Phú.



ÔNG NGÔ ĐỨC TRUNG

**Phó Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Tân Phú**

Ông Ngô Đức Trung tốt nghiệp chuyên ngành kỹ sư cơ khí Đại học Bách khoa Hà Nội. Ông công tác tại Nhựa Tân Phú từ năm 1993 và trải qua các vị trí công tác: Kỹ sư cơ khí, Trưởng ngành cơ điện, Quản đốc xưởng cơ điện, Phó Giám đốc năm 2003, Quyền Giám đốc năm 2004, giữ chức vụ Thành viên HĐQT – Giám đốc Nhựa Tân Phú năm 2005 khi công ty thực hiện cổ phần hóa và chức vụ Tổng Giám đốc – thành viên HĐQT từ tháng 8/2008. Từ năm 2015, ông Trung giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Nhựa Tân Phú, chịu trách nhiệm chính về mảng kỹ thuật, sản xuất, chất lượng và khuôn mẫu của công ty.

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC







**DNP Corp xác định nhân sự là động lực của tăng trưởng và phát triển, tạo nên sự khác biệt và sức cạnh tranh, nền tảng xây dựng doanh nghiệp trường tồn.**

**Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của công ty cụ thể như sau:**



**Lương thưởng cạnh tranh**

Mức lương, thưởng tương đương với doanh nghiệp ở Singapore cùng quy mô. Bên cạnh đó còn có ESOP (Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn) để ghi nhận sự và khuyến khích sự cống hiến, gắn thân, gắn bó bền vững với DNP Corp.



**Cơ hội thăng tiến**

Chính sách thăng tiến cởi mở, ưu tiên CBNV nội bộ công ty nếu CBNV có năng lực và đủ trình độ, dựa trên nguyên tắc đánh giá khách quan, bình đẳng để CBNV có điều kiện phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng quản lý, lãnh đạo của bản thân tại các vị trí phù hợp.



**Chú trọng đào tạo**

Ước tính dành 2% lợi nhuận hàng năm cho công tác đào tạo phát triển nhân lực, tạo điều kiện cho nhân viên phát triển năng lực chuyên môn, đồng thời góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty.



**Văn hóa doanh nghiệp**

Môi trường làm việc hiện đại, thân thiện, khuyến khích sự cởi mở giao lưu, trao đổi giữa các đơn vị, cá nhân, gắn kết, hỗ trợ các thành viên và tạo thành một tập thể đoàn kết, năng động, tôn trọng mỗi cá nhân và hướng đến mục tiêu chung.



**Phúc lợi ổn định**

Nhằm mục đích bảo vệ an toàn, sức khỏe của cán bộ nhân viên, không chỉ chăm lo cho người lao động mà còn mở rộng, chia sẻ đến gia đình họ. Công ty tuân thủ các quy định về an toàn lao động, mua bổ sung bảo hiểm thân thể cho cán bộ công nhân viên ngoài các bảo hiểm bắt buộc, có chương trình bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên theo phân cấp chức vụ, tổ chức định kỳ các hoạt động văn hóa, thể thao, nghỉ mát..., trợ cấp cho CBNV có hoàn cảnh khó khăn...

# DNP VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI





DNP tin tưởng rằng, tất cả các cá thể bao gồm doanh nghiệp đều nằm trong sự vận động phát triển chung của xã hội. Từ niềm tin này, DNP coi đóng góp cho cộng đồng, chung tay thúc đẩy phát triển một xã hội văn minh, tiến bộ là trách nhiệm và là giá trị cơ bản của sự tồn tại.

Hàng năm DNP đều dành sự quan tâm và nguồn lực không nhỏ cho các hoạt động thiện nguyện và các dự án phi lợi nhuận nhằm nâng cao chất lượng sống, cải thiện giáo dục và hỗ trợ cộng đồng phát triển bền vững. Tiếp nối các hoạt động vì cộng đồng và xã hội đã thực hiện năm qua, năm 2018 tiếp tục là năm bước ngoặt mang đậm dấu ấn của DNP khi nhiều dự án vì cộng đồng mới dài hơi và đầu tư hơn được triển khai và đi vào hoạt động.



**Lắp đặt trụ uống nước sạch tại vòi miễn phí tại Hà Nội**

Hữu xạ tự nhiên hương, những đóng góp thiết thực và ý nghĩa nhất cho cộng đồng sẽ luôn nhận được sự quan tâm, hưởng ứng và lan tỏa từ chính cộng đồng, xã hội. Dự án xây dựng, lắp đặt các trụ uống nước sạch tại vòi miễn phí tại một số tuyến phố lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội, triển khai từ tháng 7/2018 của DNP là một đóng góp vì cộng đồng như thế.

Tháng 11/2018, ngay sau khi nhận được cấp phép, Công ty CP SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội – đơn vị thành viên của DNP Water (trực thuộc DNP Corp) – đã chính thức triển khai lắp đặt 3 trụ nước sạch uống tại vòi đầu tiên tại: vườn hoa Sơn Tây (gần ngã tư Quang Trung - Tràng Thi); phía trước chợ Hàng Da (gần ngã tư Hàng Da - Hà Trung) và phía trước chợ Đồng Xuân. Tổng vốn đầu tư ban đầu cho dự án lên đến hơn 400 triệu đồng.

Để đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai theo quy định của Bộ Y tế phục vụ cho người dân và du khách, DNP đã sử dụng công nghệ lọc hiện đại nhất, có đèn báo và tự ngắt nước khi đến giai đoạn cần thay lõi lọc. Các mẫu thử cũng đồng thời được lấy liên tục để kiểm nghiệm tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP Hà Nội nhằm bảo đảm tính ổn định của

chất lượng nước.

Tuy chỉ chiếm diện tích khiêm tốn trên những tuyến phố, nhưng những trụ uống nước sạch tại vòi này đã và đang thể hiện rõ sự hữu ích và đáp ứng nhu cầu cần thiết của người dân và du khách. Hiện DNP đang chờ được cấp phép để tiếp tục đặt trụ nước tại khu vực sau Tượng đài Lý Thái Tổ, đồng thời nhân rộng tại một số điểm xung quanh hồ Hoàn Kiếm cũng như các thành phố lớn trong cả nước. Khi có thêm nhiều trụ nước sạch uống tại vòi được lắp đặt, người dân sẽ được thụ hưởng thêm những tiện ích của một đô thị văn minh, hiện đại.

Với việc thi công lắp đặt trụ uống nước tinh khiết tại vòi quanh Hồ Hoàn Kiếm, DNP kỳ vọng sẽ tạo ra nét văn minh mới cho người dân Hà Nội. Từ việc tạo sự thuận tiện cho người dân và khách du lịch khi đến dạo chơi, thăm quan hồ Hoàn Kiếm, trụ uống nước sạch tại vòi sẽ giảm thiểu tối đa tình trạng các hàng bán nước rong quanh hồ gây mất mỹ quan, làm phiền đến khách du lịch, đặc biệt là du khách nước ngoài. Qua hình ảnh các trụ nước tinh khiết miễn phí, DNP đồng thời muốn giới thiệu cho bạn bè quốc tế hình ảnh một thành phố văn minh, hiện đại, thân thiện với du khách. Đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh Việt Nam trong mắt bạn bè bốn phương.



**Phục hồi sinh kế, hỗ trợ hộ dân tại Bắc Giang và Long An**

Nhằm hỗ trợ người dân bị thu hồi vĩnh viễn một phần hoặc toàn bộ đất nông nghiệp phục vụ dự án xây dựng Nhà máy nước Bắc Giang và Nhà máy nước Nhị Thành, tháng 12/2018 DNP Water đã thực hiện các hoạt động hỗ trợ phi tài chính và triển khai kế hoạch Phục hồi sinh kế giúp bà con thuộc 2 địa bàn trên nhanh chóng ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế. Tổng ngân sách thực hiện dự án lên đến gần 400 triệu đồng.

Để hỗ trợ phục vụ cho sản xuất, DNP đã thực hiện các biện pháp: Cung cấp vốn cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp và phi

nông nghiệp bằng cách thiết lập Quỹ tiết kiệm và Tín dụng cho thôn Càn, Phú Lợi (xã Hương Sơn – Lạng Giang – Bắc Giang) và Ấp 7 (xã Nhị Thành – Thủ Thành – Long An); Phục hồi sản xuất lúa gạo bằng cách cung cấp vật tư nông nghiệp (thóc giống và phân bón) cho các hộ bị ảnh hưởng; Cung cấp vật tư nông nghiệp để xây dựng các mô hình sản xuất thay thế như mô hình nuôi gà đồi và mô hình sản xuất rau an toàn theo định hướng thị trường; Nâng cấp cơ sở hạ tầng để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, xây cầu nhỏ dẫn ra ruộng tại Ấp 7 xã Nhị Thành.

Đồng thời, DNP còn thực hiện

các biện pháp hỗ trợ liên quan đến việc làm như: Phối hợp với Phòng LĐ & TBXH huyện và các cơ quan chức năng khác tổ chức các sự kiện giới thiệu việc làm, tập huấn kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, tìm việc và phỏng vấn,...; Ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương vào các vị trí phù hợp với trình độ và năng lực làm việc của họ tại DNP Water... Ngoài ra, để hỗ trợ các hộ dân, DNP còn thực hiện trợ giá nước sạch, áp dụng mức giá ưu đãi cho các hộ dân bị ảnh hưởng trong 5 năm sau khi hoàn tất dự án. Dự kiến, dự án phục hồi sinh kế sẽ hoàn tất vào năm 2021 và phát triển thêm các hạng mục hỗ trợ khác trong quá trình triển khai.





**Miền Cổ Tích – dự án phát triển giáo dục, phục vụ cho cộng đồng, đặc biệt là trẻ nhỏ**

Xuất phát từ sự quan tâm đặc biệt cho công tác giáo dục, phát triển tri thức của thế hệ trẻ - lứa "măng non" kiến tạo nên tương lai của đất nước – dự án Miền Cổ Tích đã ra đời và chính thức khởi động từ tháng 8/2018, thu hút sự quan tâm, hưởng ứng rất tích cực của cộng đồng sau hơn nửa năm triển khai.

Khi mạng xã hội tràn lan các trò chơi bạo lực và các kênh giải trí độc hại dành cho trẻ nhỏ, thậm chí còn hướng dẫn trẻ cách tự sát hoặc gây thương tổn cho người khác,... DNP hiểu rằng, đã đến lúc phải xây dựng một kênh vui chơi, học tập lành mạnh, bổ ích, một kênh giáo dục thực sự để giúp trẻ lớn lên trong an toàn và miễn nhiễm với những rủi ro đến từ mặt trái của mạng xã hội.

Từ ý tưởng đó, hệ thống kênh Youtube, Fanpage, Website tổng hợp các thước phim hoạt hình chuyển thể từ những câu chuyện

cổ tích đặc sắc, hàm chứa nhiều thông điệp nhân văn và bài học cuộc sống đã ra đời. Thông qua kênh, DNP kỳ vọng sẽ góp phần định hướng nhận thức cũng như bồi đắp thêm cho tâm hồn trẻ nhỏ những kiến thức, giá trị nhân văn giữa thời buổi mạng xã hội tràn lan các video độc hại, vô bổ, thiếu tính giáo dục như hiện tại.

"Cuộc sống luôn có phép nhiệm màu; người hiền lành, tử tế sẽ luôn có một kết thúc có hậu". Đây là thông điệp mà Miền Cổ Tích muốn gửi gắm đến lớp trẻ sau mỗi câu chuyện có nội dung về lòng hiếu thảo, thiện thắng ác, về cách sống nhân hậu hiền lành, không tham lam độc ác...

Trong thời gian tới, DNP sẽ mở rộng đề tài cho Miền Cổ Tích cũng như nghiên cứu sản xuất thêm các câu chuyện liên quan đến lịch sử và đạo đức để kênh thực sự trở thành một địa chỉ giáo dục – giải trí ý nghĩa cho trẻ em Việt Nam.



**Quỹ thiện nguyện "Vì ta cần nhau" ngày càng lớn mạnh**

Năm 2018 tiếp tục đánh dấu một bước ngoặt trong các hoạt động thiện nguyện của DNP Corp. Sau hơn 1 năm hoạt động, quỹ thiện nguyện "Vì ta cần nhau" ngày càng lớn mạnh và có nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực, ý nghĩa hơn, cũng như nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của toàn thể các CBCNV trong toàn hệ thống.

Đã thành thông lệ, ngày 15 hàng tháng, mỗi CBCNV có trách nhiệm ủng hộ số tiền tương đương 1 bữa sáng (10.000 – 30.000 đồng hoặc nhiều hơn tùy điều kiện), công ty đóng góp gấp đôi tổng số tiền của CBCNV để xung quỹ. Đồng thời, tổ chức quyên góp quần áo, đồ dùng học tập, sách, truyện, đồ chơi trẻ em, đồ dùng gia dụng để phân loại mở gian hàng thiện nguyện... Số tiền thu được từ hoạt động gây quỹ này sẽ dùng để hỗ trợ anh/chị/em là cán bộ, nhân viên của DNP có hoàn cảnh khó khăn hoặc tai biến, bệnh tật, thiếu may mắn trong cuộc sống.

"Vì mỗi cá thể luôn không thể tách rời khỏi cộng đồng nên chúng ta thực sự cần nhau". Từ tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách ấy, trong năm qua các hoạt động gây quỹ đã lan tỏa sâu rộng và ảnh hưởng ở khắp các đơn vị thành viên. Tới thời điểm hiện tại, Quỹ "Vì ta cần nhau" không chỉ khơi gợi lòng nhân ái, khuyến khích mỗi cán bộ nhân viên biết quan tâm, chia sẻ, hướng tới cộng đồng mà còn tạo nguồn ngân sách ổn định để người DNP thực hiện các hoạt động thiện nguyện dài hơi, có chiều sâu, gia tăng đóng góp cho xã hội.

Xuất phát từ ý thức về trách nhiệm xã hội của công ty, tập thể DNP Corp sẽ nỗ lực duy trì và phát triển các hoạt động xã hội, thiện nguyện trong năm 2019 để tiếp tục tạo ra những đóng góp ý nghĩa, thiết thực cho cộng đồng.





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 31 tháng 01 năm 2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 19 ngày 31 tháng 01 năm 2019, Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

### Trụ sở chính:

Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### Vốn điều lệ của Công ty là:

**1.000.085.350.000 đồng**

(Một nghìn tỷ không trăm tám mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)



## CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Đức Vũ	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT
Ông Mai Thế Khôi	Thành viên HĐQT

### Ban kiểm soát

Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban
Bà Lương Thị Hương	Thành viên
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

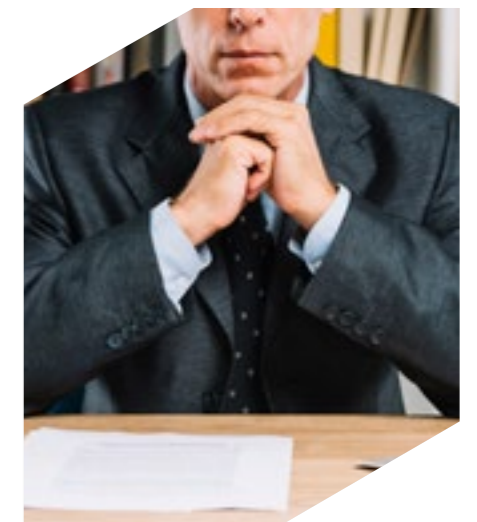
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT
----------------	---------------

Ông Vũ Đình Độ đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Hiếu ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo Quyết định số 172/2018/QĐ-DNP ngày 28 tháng 6 năm 2018.





## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho

rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Văn Hiếu**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Số: 057/2019/BCKTHN-PB.00020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được lập ngày 08/04/2019, từ trang 04 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm

bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**ONG THẾ ĐỨC**

**Giám đốc**

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

**PHẠM TUẤN VŨ**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN		Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
				VND	VND
<b>A/</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,361,096,687,094</b>	<b>1,409,848,479,830</b>
<b>I/</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>853,483,562,746</b>	<b>307,873,206,677</b>
1	1. Tiền	111		441,762,710,305	164,659,383,658
2	2. Các khoản tương đương tiền	112		411,720,852,441	143,213,823,019
<b>II/</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>261,050,497,300</b>	<b>102,904,908,165</b>
1	1. Chứng khoán kinh doanh	121		1,000,000,000	64,650,000,000
2	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		260,050,497,300	38,254,908,165
<b>III/</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>765,797,953,315</b>	<b>636,129,663,319</b>
1	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	525,420,617,122	340,343,097,622
2	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	234,929,632,426	278,724,673,704
3	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		4,376,000,000	810,000,000
4	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	44,594,580,306	54,558,483,237
5	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(43,522,876,539)	(38,306,591,244)
<b>IV/</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>388,537,176,658</b>	<b>314,352,967,333</b>
1	1. Hàng tồn kho	141		398,485,479,232	318,492,689,331
2	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9,948,302,574)	(4,139,721,998)
<b>V/</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>92,227,497,075</b>	<b>48,587,734,336</b>
1	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	8,336,239,674	11,086,155,850
2	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		82,627,453,511	35,608,121,344
3	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	1,263,803,890	1,893,457,142

<b>B/</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4,309,983,388,206</b>	<b>2,442,802,258,291</b>	
<b>I/</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22,143,157,216</b>	<b>25,105,740,884</b>	
1	1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	22,143,157,216	25,105,740,884	
<b>II/</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2,142,511,635,087</b>	<b>1,690,763,833,148</b>	
1	1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1,828,189,815,064	1,425,144,449,995	
	- Nguyên giá	222		2,839,183,623,445	2,040,640,428,768	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,010,993,808,381)	(615,495,978,773)	
2	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	274,816,741,472	226,825,032,285	
	- Nguyên giá	225		356,562,194,987	283,373,692,658	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(81,745,453,515)	(56,548,660,373)	
3	3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	39,505,078,551	38,794,350,868	
	- Nguyên giá	228		46,268,645,668	43,762,402,668	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,763,567,117)	(4,968,051,800)	
<b>III/</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>			<b>1,020,285,807,115</b>	<b>145,980,309,279</b>	
1	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	1,020,285,807,115	145,980,309,279	
<b>IV/</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>734,968,656,218</b>	<b>218,772,691,397</b>	
1	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		439,159,879,358	100,733,001,397	
2	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		144,419,713,260	113,039,690,000	
3	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		151,389,063,600	5,000,000,000	
<b>V/</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>390,074,132,570</b>	<b>362,179,683,583</b>	
1	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	56,475,099,497	30,069,618,696	
2	2. Lợi thế thương mại	269	5.13	333,599,033,073	332,110,064,887	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>				<b>270</b>	<b>6,671,080,075,300</b>	<b>3,852,650,738,121</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN		Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
<b>C/</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4,923,613,346,079</b>	<b>2,884,224,897,351</b>
<b>I/</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,825,173,805,577</b>	<b>1,291,620,341,069</b>
1	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	167,341,992,919	108,063,763,331
2	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4,632,404,475	6,586,739,594
3	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	7,421,085,084	4,705,061,517
4	4. Phải trả người lao động	314		26,903,247,087	12,643,813,693
5	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	41,966,405,912	12,346,505,793
6	6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	21,689,302,188	80,268,733,603
7	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1,549,469,056,383	1,064,565,499,167
8	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5,750,311,529	2,440,224,371
<b>II/</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3,098,439,540,502</b>	<b>1,592,604,556,282</b>
1	1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	565,872,290,521	575,421,179,569
2	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	2,437,330,949,878	963,051,953,212
3	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.18	95,236,300,103	54,131,423,501

<b>D/</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,747,466,729,221</b>	<b>968,425,840,770</b>
<b>I/</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>1,744,586,027,237</b>	<b>968,425,840,770</b>
1	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,000,085,350,000	500,092,720,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,000,085,350,000	500,092,720,000
2	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		68,841,394,826	29,002,900,000
3	3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12,757,228,445	12,757,228,445
4	4. Cổ phiếu quỹ	415		(342,000)	(342,000)
5	5. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,191,466,010	726,040,131
6	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52,335,206,029	138,581,969,225
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37,521,104,509	14,809,808,786
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14,814,101,520	123,772,160,439
7	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		603,375,723,927	287,265,324,969
<b>II/</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2,880,701,984</b>	<b>-</b>
1	1. Nguồn kinh phí	431		930,943,542	-
2	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		1,949,758,442	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>6,671,080,075,300</b>	<b>3,852,650,738,121</b>



**Nguyễn Văn Hiếu**  
Tổng Giám đốc

**Trần Thái Sơn**  
Kế toán trưởng

**Phạm Thị Thu Hằng**  
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2019



# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>2,188,193,632,934</b>	<b>1,506,803,072,391</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	7,371,561,222	2,042,711,558
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2,180,822,071,712</b>	<b>1,504,760,360,833</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1,824,463,623,536	1,215,175,888,085
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>356,358,448,176</b>	<b>289,584,472,748</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	91,894,304,791	114,154,118,572
7. Chi phí tài chính	22	6.5	202,358,425,312	123,407,482,056
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		185,332,963,882	118,151,321,013
8. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24		17,366,699,485	8,719,402,463
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	96,146,414,372	67,769,857,716
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	148,453,141,502	132,200,222,021

<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18,661,471,266</b>	<b>89,080,431,990</b>
12. Thu nhập khác	31	6.8	18,867,331,376	7,349,869,216
13. Chi phí khác	32	6.9	22,348,320,558	9,430,106,283
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(3,480,989,182)</b>	<b>(2,080,237,067)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>15,180,482,084</b>	<b>87,000,194,923</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	8,419,633,031	16,691,041,118
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(5,485,430,585)	(2,191,353,993)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>12,246,279,638</b>	<b>72,500,507,798</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		15,149,756,799	83,349,319,194
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2,903,477,161)	(10,848,811,396)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12.1	214	1,674
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12.2	214	1,674



**Nguyễn Văn Hiếu**  
Tổng Giám đốc

**Trần Thái Sơn**  
Kế toán trưởng

**Phạm Thị Thu Hằng**  
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2019

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>15,180,482,084</b>	<b>87,000,194,923</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.1	208,659,206,651	159,919,842,259
- Các khoản dự phòng	03		10,728,579,618	3,336,690,421
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		203,532,103	(482,361,601)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	7.2	(62,839,684,459)	(122,043,285,278)
- Chi phí lãi vay	06		185,332,963,882	118,151,321,013
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>357,265,079,879</b>	<b>245,882,401,737</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(195,754,343,900)	(65,771,257,565)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(60,969,426,845)	(10,766,305,993)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		25,227,769,774	106,188,897,995
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.3	(5,494,175,539)	(28,759,628,071)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		63,650,000,000	(63,251,000,000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(150,306,375,928)	(119,512,037,635)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(12,299,121,331)	(13,860,259,617)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(642,085,501)	(353,140,541)

<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>20,677,320,609</b>	<b>49,797,670,310</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(891,193,276,992)	(531,499,474,300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		70,756,282,741	5,771,139,215
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(467,859,989,135)	(45,634,674,651)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		102,909,336,400	57,822,081,092
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(709,040,457,495)	(526,557,929,958)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	425,177,161,012
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16,360,355,591	5,787,941,709
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1,878,067,748,890)</b>	<b>(609,133,755,881)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		689,736,710,350	321,567,819,650
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.5	4,851,090,618,422	2,076,507,897,934
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.6	(3,026,526,435,838)	(1,622,820,551,499)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35		(99,289,239,304)	(59,856,636,349)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11,469,103,639)	(2,876,543,300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2,403,542,549,991</b>	<b>712,521,986,436</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>546,152,121,710</b>	<b>153,185,900,865</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>307,873,206,677</b>	<b>154,838,423,715</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(541,765,641)	(151,117,903)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>853,483,562,746</b>	<b>307,873,206,677</b>



**Nguyễn Văn Hiếu**  
Tổng Giám đốc

**Trần Thái Sơn**  
Kế toán trưởng

**Phạm Thị Thu Hằng**  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

---

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 31 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.000.085.350.000 đồng (Một nghìn tỷ không trăm tám mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 19 ngày 31 tháng 01 năm 2019, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Đại lý bưu điện./.

### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2018, Công ty con của Công ty – Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP đã thực hiện mua chi phối Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội là đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP cũng mua bổ sung cổ phần tại Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận để chuyển từ Công ty liên kết thành Công ty con. Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận là đơn vị kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Theo đó, toàn bộ tài sản và nguồn vốn của các đơn vị trên được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty CP Nhựa Đồng Nai từ thời điểm 30/06/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tại thời điểm 28/12/2018, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu thường theo chương trình lựa chọn cho người lao động với tổng số cổ phiếu phát hành là 2.000.000 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Công ty đã có báo cáo kết quả phát hành ngày 09/01/2019.

Ngoài hoạt động nêu trên, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

**1.6 Cấu trúc Công ty****Các chi nhánh**

Tên chi nhánh	Địa chỉ	Hạch toán kế toán
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội	Tầng 10 – Toà nhà HTP – 434 Trần Khát Chân – Hai Bà Trưng – Hà Nội	Hạch toán phụ thuộc

**Các Công ty con sở hữu trực tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Lô 06 – KCN Điện Nam – Điện Ngọc - Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33%	99,33%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	314 Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú, Tp. HCM	Sản xuất & kinh doanh nhựa công nghiệp	51,01%	51,01%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Số 1 – Đường Ngô Quyền – Tp Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70%	70%
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Tầng 4 – Tòa nhà Viettel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ - P. Xương Giang - Tp. Bắc Giang.	Đầu tư vào các Công ty nước sạch	74,996%	74,996%

**Các Công ty con sở hữu gián tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Ấp 7 - Xã Nhị Thành – Huyện Thủ Thừa – Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	92,57%	69,43%
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A25-26 KDC Kênh Bàu, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70,77%	53,08%
Công ty Cổ phần Nhà máy Nước	Ấp Tân Thuận, Xã Bình	Sản xuất và kinh	52,68%	39,51%



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Đồng Tâm	Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	doanh nước sạch		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang	Tầng 4 – Tòa nhà Viettel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ - P. Xương Giang - Tp. Bắc Giang – T. Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	99,997%	74,99%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Số 8C – Đinh Công Tráng – Hoàn Kiếm – Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	86,36%	64,77%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Số 137 Lê Hồng Phong – Tp. Phan Thiết – Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	57,26%	37,20%

### Các công ty liên doanh, liên kết trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	45%	45%

### Các công ty liên doanh, liên kết gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	37,15%	27,86%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	2A, đường Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	22,54%	16,90%
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	366C Cách Mạng Tháng Tám, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	39,13%	25,35%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	489 Đường 30/4, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	22,69%	17,02%
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Số 204 Quang Trung, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	22,48%	16,86%
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	M5, Tồn Đức Thắng, Phường Phú Thủy, Tp.	Sản xuất và kinh doanh nước	20%	7,44%

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
	Phan Thiết, Bình Thuận	sạch		
Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Số 137 Lê Hồng Phong, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25%	9,3%
Công ty Cổ phần Nước và môi trường Đông Hải	Số 137 Lê Hồng Phong, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25%	9,3%
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào (*)	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	22,15%

(\*) Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ cuối năm 2016.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn có liên quan.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Các công ty con**

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

---

thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

### **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết được lập đến ngày 31/12/2018.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc bất lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm (120 tháng). Bất lợi thế thương mại được ghi nhận một lần vào kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **Các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### *Dự phòng nợ khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

#### ***Chi phí khác***

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

### **4.8 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

### **4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05



#### 4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

#### 4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất giao không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### 4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **4.14 Trái phiếu thường**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

### **4.15 Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác của chủ sở hữu là các khoản vốn góp của chủ sở hữu tại các công ty tăng từ các nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn quỹ khác.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### **4.16 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

### **4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **4.18 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### **4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được hưởng ưu đãi miễn thuế 02 năm và giảm 50% thuế cho 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập từ đầu tư mở rộng hoàn thành trong năm 2016.
- Công ty Cổ phần Bình Hiệp và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận được hưởng ưu đãi thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế

#### **4.20 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.21 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### **4.22 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

### **5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	1.798.141.319	5.019.240.286
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	439.964.568.986	159.640.143.372
Các khoản tương đương tiền	411.720.852.441	143.213.823.019
<b>Cộng</b>	<b>853.483.562.746</b>	<b>307.873.206.677</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<b>Gốc ngoại tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
Tiền mặt ngoại tệ - USD	153,00	3.543.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	367.336,60	8.505.165.423
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR	3.311,12	87.532.257
<b>Cộng</b>	<b>370.801</b>	<b>8.596.240.723</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**5.2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	<b>31/12/2018</b>			<b>01/01/2018</b>		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Công ty CP Xây dựng và Cấp thoát nước số 12	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư T&D Việt Nam	-	-	-	63.650.000.000	-	63.650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>64.650.000.000</b>	<b>-</b>	<b>64.650.000.000</b>

**5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>260.050.497.300</b>	<b>260.050.497.300</b>	<b>38.254.908.165</b>	<b>38.254.908.165</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	23.129.372.321	23.129.372.321	38.254.908.165	38.254.908.165
Các khoản đầu tư khác	236.921.124.979	236.921.124.979	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>151.389.063.600</b>	<b>151.389.063.600</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	140.389.063.600	140.389.063.600	-	-
<b>Cộng</b>	<b>411.439.560.900</b>	<b>411.439.560.900</b>	<b>43.254.908.165</b>	<b>43.254.908.165</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>439.159.879.358</b>	-	<b>439.159.879.358</b>	<b>100.733.001.397</b>	-	<b>100.733.001.397</b>
Công ty CP cấp thoát nước Cần Thơ	126.842.492.279	-	126.842.492.279	-	-	-
Công ty CP cấp nước Cần Thơ 2	101.860.286.823	-	101.860.286.823	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	73.185.524.648	-	73.185.524.648	67.160.192.681	-	67.160.192.681
Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	74.888.721.451	-	74.888.721.451	-	-	-
Công ty CP Cấp nước Cà Mau	51.843.034.833	-	51.843.034.833	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	4.275.000.000	-	4.275.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư nước Bình An	3.020.336.472	-	3.020.336.472	-	-	-
Công ty CP Nước và Môi trường Đông Hải	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-	-
Công ty Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	744.482.852	-	744.482.852	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	-	-	-	33.572.808.716	-	33.572.808.716
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>144.419.713.260</b>	-	<b>144.419.713.260</b>	<b>113.039.690.000</b>	-	<b>113.039.690.000</b>
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	107.909.090.000	-	107.909.090.000	107.909.090.000	-	107.909.090.000
Công ty CP Cấp nước Khánh Hòa	21.276.782.500	-	21.276.782.500	-	-	-
Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường - CTCP	5.130.600.000	-	5.130.600.000	5.130.600.000	-	5.130.600.000
Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	4.082.820.500	-	4.082.820.500	-	-	-
Công ty CP VLXD & Khoáng sản Bình Thuận (Dự án KDC Hùng Vương)	2.020.420.260	-	2.020.420.260	-	-	-
Khác	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>583.579.592.618</b>	-	<b>583.579.592.618</b>	<b>213.772.691.397</b>	-	<b>213.772.691.397</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty CP cấp thoát nước Cần Thơ	6.310.400	22,54%	16,90%	-	-	-
Công ty CP cấp nước Cần Thơ 2	4.607.266	39,13%	25,35%	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	4.532.440	37,15%	27,86%	4.532.440	37,15%	31,92%
Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	2.400.000	22,69%	17,02%	-	-	-
Công ty CP Cấp nước Cà Mau	3.492.700	22,48%	16,86%	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	427.500	45,00%	45,00%	-	-	-
Công ty CP Đầu tư nước Bình An	300.000	20%	7,44%	-	-	-
Công ty CP Nước và Môi trường Đông Hải	250.000	25%	9,3%	-	-	-
Công ty Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	75.000	25%	9,3%	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	-	-	-	2.089.412	26,21%	14,64%
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	10.790.909	12,32%	12,31%	10.790.909	12,32%	12,32%
Công ty CP Cấp nước Khánh Hòa	905.395	3,48%	2,26%	-	-	-
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam	503.000	0,87%	0,87%	503.000	0,87%	0,87%
Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	370.000	2,15%	1,61%	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng kinh doanh ống nước và phụ kiện	353.396.868.888	(37.466.842.618)	234.517.899.645	(32.558.447.175)
Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì	29.840.348.379	-	20.535.577.920	-
Phải thu khách hàng kinh doanh nhựa công nghiệp và gia dụng	121.335.539.853	(2.461.992.989)	66.663.859.867	(2.461.992.989)
Phải thu khách hàng kinh doanh nước sạch	12.271.752.414	(307.889.852)	11.384.931.080	-
Phải thu thanh lý tài sản cố định	680.000.000	-	-	-
Phải thu khác	7.896.107.588	-	7.240.829.110	-
<b>Cộng</b>	<b>525.420.617.122</b>	<b>(40.236.725.459)</b>	<b>340.343.097.622</b>	<b>(35.020.440.164)</b>

**Trong đó, phải thu các bên có liên quan**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	10.410.291.901	-	11.231.823.850	-
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	-	-	446.971.856	-
Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh	1.203.111.548	-	690.175.200	-
Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2	467.822.819	-	823.564.126	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)
<b>Cộng</b>	<b>14.317.543.997</b>	<b>(2.236.317.729)</b>	<b>15.428.852.761</b>	<b>(2.236.317.729)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	34.996.110.052	(886.246.635)	24.962.546.980	(886.246.635)
Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	16.495.528.914	-	11.332.015.866	-
Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nước	880.957.919	-	114.727.270	-
Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước <1>	199.052.564.455	-	251.008.404.524	-
Các khoản khác	-	-	2.638.994.930	-
<b>Cộng</b>	<b>234.929.632.426</b>	<b>(886.246.635)</b>	<b>278.724.673.704</b>	<b>(886.246.635)</b>

<1> Chủ yếu là các khoản ứng trước cho nhà thầu thực hiện các dự án xây dựng Nhà máy nước Nhị Thành do Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An làm chủ đầu tư.

### Trong đó, trả trước cho các bên có liên quan

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)
<b>Cộng</b>	<b>858.746.635</b>	<b>(858.746.635)</b>	<b>858.746.635</b>	<b>(858.746.635)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền lãi cho vay	152.404.445	(152.404.445)	152.404.445	(152.404.445)
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền tạm ứng vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.637.500.000	(1.637.500.000)
<b>Phải thu các đối tượng khác</b>				
Đặt cọc mua cổ phần	-	-	41.508.800.000	-
Ký quỹ, ký cược	12.957.993.363	-	2.807.236.468	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, phải thu lãi cho vay	1.744.624.714	-	3.081.303.366	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, thuế TNCN	157.137.567	-	-	-
Phải thu khác	27.944.920.217	-	5.371.238.958	-
<b>Cộng</b>	<b>44.594.580.306</b>	<b>(1.789.904.445)</b>	<b>54.558.483.237</b>	<b>(1.789.904.445)</b>

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	10.980.629.951	-	16.651.813.407	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	10.717.029.375	-	8.008.429.587	-
Phải thu khác	445.497.890	-	445.497.890	-
<b>Cộng</b>	<b>22.143.157.216</b>	<b>-</b>	<b>25.105.740.884</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ phải thu khó đòi**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	3.238.237.572	-	3.238.237.572	-
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	2.342.100.099	21.401.610.384	8.030.483.115
Các đối tượng khác	33.688.921.185	12.463.792.503	34.037.578.074	12.340.351.671
<b>Cộng</b>	<b>58.328.769.141</b>	<b>14.805.892.602</b>	<b>58.677.426.030</b>	<b>20.370.834.786</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết các khoản nợ theo tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nợ khó đòi trích lập 100%	42.690.542.892	-	19.463.554.532	-
Quá hạn trích 70%	1.096.292.842	263.959.196	23.469.467.475	6.375.621.137
Quá hạn trích 50%	-	-	2.708.670.957	1.354.335.478
Quá hạn trích 30%	-	-	1.316.182.982	921.328.087
Chưa quá hạn	14.541.933.407	14.541.933.406	11.719.550.084	11.719.550.084
<b>Cộng</b>	<b>58.328.769.141</b>	<b>14.805.892.602</b>	<b>58.677.426.030</b>	<b>20.370.834.786</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	24.406.412.960	-	41.994.870.555	-
Nguyên liệu, vật liệu	208.572.427.157	(1.877.957.307)	160.750.854.748	(35.017.997)
Công cụ, dụng cụ	22.499.521.463	-	11.770.338.970	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.403.510.504	(2.946.799.913)	12.755.236.639	(2.946.799.913)
Thành phẩm	91.880.784.083	(4.865.831.707)	55.928.171.879	(1.119.496.436)
Hàng hoá	31.274.439.953	(257.713.647)	32.796.163.013	(38.407.652)
Hàng gửi đi bán	1.448.383.112	-	2.497.053.527	-
<b>Cộng</b>	<b>398.485.479.232</b>	<b>(9.948.302.574)</b>	<b>318.492.689.331</b>	<b>(4.139.721.998)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>563.503.212.447</b>	<b>552.956.956.639</b>	<b>919.392.371.331</b>	<b>4.650.573.193</b>	<b>137.315.158</b>	<b>2.040.640.428.768</b>
Mua trong năm	5.565.619.963	37.982.152.136	2.353.119.763	514.100.868	-	46.414.992.730
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.467.948.366	81.749.955.808	19.005.973.260	115.454.545	-	106.339.331.979
Tăng do hợp nhất kinh doanh	225.416.293.836	86.590.139.646	443.102.876.027	2.017.826.454	-	757.127.135.963
Tăng khác	86.150.000	(86.150.000)	17.899.152	-	-	17.899.152
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	16.939.176.322	2.951.110.909	-	-	19.890.287.231
Thanh lý, nhượng bán	(345.923.150)	(56.776.571.921)	(6.228.244.330)	(654.955.258)	-	(64.005.694.659)
Giảm do bán tái thuê TSCĐ	-	(67.220.757.719)	-	-	-	(67.220.757.719)
Giảm khác	-	(20.000.000)	-	-	-	(20.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>799.693.301.462</b>	<b>652.114.900.911</b>	<b>1.380.595.106.112</b>	<b>6.642.999.802</b>	<b>137.315.158</b>	<b>2.839.183.623.445</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>138.678.800.811</b>	<b>298.503.396.517</b>	<b>175.286.583.553</b>	<b>2.985.141.189</b>	<b>42.056.703</b>	<b>615.495.978.773</b>
Khấu hao trong năm	37.050.123.898	63.798.725.807	45.115.442.765	495.470.549	11.137.247	146.470.900.266
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	15.901.663.600	2.214.320.747	-	-	18.115.984.347
Phân loại lại nhóm TS	10.981.797	(9.620.116)	594.615	(594.597)	(1.361.699)	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	38.866.826.560	49.304.667.091	199.897.895.505	1.432.074.062	-	289.501.463.218
Thanh lý, nhượng bán	(345.923.150)	(43.092.603.284)	(5.859.173.045)	(654.955.258)	-	(49.952.654.737)
Giảm do bán tái thuê TSCĐ	-	(8.637.863.485)	-	-	-	(8.637.863.485)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>214.260.809.916</b>	<b>375.768.366.130</b>	<b>416.655.664.140</b>	<b>4.257.135.945</b>	<b>51.832.251</b>	<b>1.010.993.808.381</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>424.824.411.636</b>	<b>254.453.560.122</b>	<b>744.105.787.778</b>	<b>1.665.432.004</b>	<b>95.258.455</b>	<b>1.425.144.449.995</b>
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>585.432.491.546</b>	<b>276.346.534.781</b>	<b>963.939.441.972</b>	<b>2.385.863.857</b>	<b>85.482.907</b>	<b>1.828.189.815.064</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 1.134.819.704.168 đồng (Tại ngày 01/01/2018 là 996.214.678.412 đồng)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 218.182.274.071 đồng (Tại ngày 01/01/2018 là 179.338.239.038 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>2.401.026.000</b>	<b>271.484.230.191</b>	<b>9.257.287.887</b>	<b>231.148.580</b>	<b>283.373.692.658</b>
Thuê tài chính trong năm	-	89.477.715.079	2.797.510.845	-	92.275.225.924
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(16.939.176.322)	(2.951.110.909)	-	(19.890.287.231)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	803.563.636	-	803.563.636
Giảm do điều chuyển	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>2.401.026.000</b>	<b>344.022.768.948</b>	<b>9.907.251.459</b>	<b>231.148.580</b>	<b>356.562.194.987</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	-	<b>53.813.347.498</b>	<b>2.735.312.875</b>	-	<b>56.548.660.373</b>
Khấu hao trong năm	280.119.700	40.700.148.838	1.938.823.571	57.787.141	42.976.879.250
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	335.898.239	-	335.898.239
Phân loại lại nhóm tài sản	-	(613.958.281)	613.958.281	-	-
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(15.901.663.600)	(2.214.320.747)	-	(18.115.984.347)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>280.119.700</b>	<b>77.997.874.455</b>	<b>3.409.672.219</b>	<b>57.787.141</b>	<b>81.745.453.515</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>2.401.026.000</b>	<b>217.670.882.693</b>	<b>6.521.975.012</b>	<b>231.148.580</b>	<b>226.825.032.285</b>
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>2.120.906.300</b>	<b>266.024.894.493</b>	<b>6.497.579.240</b>	<b>173.361.439</b>	<b>274.816.741.472</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ Vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>43.483.402.668</b>	-	<b>279.000.000</b>	-	<b>43.762.402.668</b>
Mua trong năm	-	120.000.000	121.030.000	-	241.030.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	220.000.000	2.045.213.000	2.265.213.000
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>43.483.402.668</b>	<b>120.000.000</b>	<b>620.030.000</b>	<b>2.045.213.000</b>	<b>46.268.645.668</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>4.689.051.800</b>	-	<b>279.000.000</b>	-	<b>4.968.051.800</b>
Khấu hao trong năm	691.126.812	9.999.999	38.809.722	192.798.558	932.735.091
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	62.155.558	800.624.668	862.780.226
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>5.380.178.612</b>	<b>9.999.999</b>	<b>379.965.280</b>	<b>993.423.226</b>	<b>6.763.567.117</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>38.794.350.868</b>	-	-	-	<b>38.794.350.868</b>
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>38.103.224.056</b>	<b>110.000.001</b>	<b>240.064.720</b>	<b>1.051.789.774</b>	<b>39.505.078.551</b>

Giá trị tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 5.482.850.290 đồng (Tại ngày 01/01/2018 là 279.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2018</b> <i>VND</i>	<b>01/01/2018</b> <i>VND</i>
<b>Mua sắm TSCĐ</b>	<b>8.137.361.610</b>	<b>25.798.963.616</b>
Máy móc, thiết bị	8.137.361.610	25.798.963.616
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>1.012.148.445.505</b>	<b>120.181.345.663</b>
Nhà máy nước Bắc Giang	733.372.213.358	103.046.442.896
Nhà máy nước Long An	224.708.986.714	5.690.334.275
Các công trình Nhà máy nước Đồng Tâm	24.255.520.940	3.548.161.691
Các công trình Nhà máy nước Bình Hiệp	151.237.773	-
Các công trình Nhà máy nước Bình Thuận	13.854.876.918	-
Các công trình Nhà máy nước NS3	1.465.981.485	-
Các công trình khác	14.339.628.317	7.896.406.801
	<b><u>1.020.285.807.115</u></b>	<b><u>145.980.309.279</u></b>

**5.12 Chi phí trả trước**

**5.12.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b> <i>VND</i>	<b>01/01/2018</b> <i>VND</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.013.550.526	6.309.175.113
Chi phí sửa chữa tài sản	184.899.588	522.100.552
Các khoản khác	4.137.789.560	4.254.880.185
<b>Cộng</b>	<b><u>8.336.239.674</u></b>	<b><u>11.086.155.850</u></b>

**5.12.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2018</b> <i>VND</i>	<b>01/01/2018</b> <i>VND</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	16.117.682.275	15.067.954.103
Chi phí sửa chữa tài sản	8.236.478.071	1.354.328.605
Các khoản khác	32.120.939.151	13.647.335.988
<b>Cộng</b>	<b><u>56.475.099.497</u></b>	<b><u>30.069.618.696</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.13 Lợi thế thương mại**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi thế thương mại đầu năm	332.110.064.887	186.589.645.385
Lợi thế thương mại tăng trong kỳ	39.808.512.044	188.542.001.540
Giảm do thoái vốn Công ty con	-	(19.531.044.279)
Phân bổ lợi thế thương mại	(38.319.543.858)	(23.490.537.759)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>333.599.033.073</b>	<b>332.110.064.887</b>

**Chi tiết số dư cuối năm**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Bình Hiệp	164.974.251.347	183.828.451.501
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	87.650.108.582	98.959.800.012
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Sản xuất và kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	37.818.086.442	-
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhựa Tân Phú	43.156.586.702	49.321.813.374
<b>Cộng</b>	<b>333.599.033.073</b>	<b>332.110.064.887</b>

Giá trị lợi thế thương mại được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá phí đầu tư của Công ty và giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo các báo cáo thẩm định giá do các Công ty thẩm định giá độc lập thực hiện.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm (120 tháng) vào chi phí quản lý doanh nghiệp kể từ thời điểm sở hữu doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số phải thu tại 01/01/2018	Số phải nộp tại 01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do mua công ty con (Phải nộp (+) Phải thu (-))	Số phải thu tại 31/12/2018	Số phải nộp tại 31/12/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	216.106.765	1.090.924.431	10.605.182.516	13.765.977.335	4.244.710.125	164.740.765	2.123.473.737
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.028.626.486	-	69.499.401.781	68.465.700.251	-	-	5.075.044
Thuế xuất, nhập khẩu	142.886.155	64.492.511	2.536.994.506	2.457.773.152	-	7.809.748	8.637.458
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.250.182	2.389.800.948	8.758.316.499	12.299.121.331	1.136.499.400	1.044.484.471	570.729.805
Thuế thu nhập cá nhân	7.764.961	1.137.834.227	5.952.301.383	6.123.514.096	(98.490.233)	7.946.313	868.312.633
Thuế tài nguyên	-	22.009.400	1.143.576.325	1.113.077.105	99.580.860	-	152.089.480
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.210.723.918	1.210.723.918	-	-	-
Các loại thuế khác	38.822.593	-	43.657.513	44.478.814	821.301	38.822.593	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	9.430.182.034	8.942.252.318	3.204.837.211	-	3.692.766.927
<b>Cộng</b>	<b>1.893.457.142</b>	<b>4.705.061.517</b>	<b>109.180.336.475</b>	<b>114.422.618.320</b>	<b>8.587.958.664</b>	<b>1.263.803.890</b>	<b>7.421.085.084</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	124.718.614.346	124.718.614.346	104.021.043.296	104.021.043.296
Phải trả cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	2.518.035.692	2.518.035.692	11.824.371.058	11.824.371.058
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nước	12.513.420.247	12.513.420.247	2.472.510.019	2.472.510.019
Phải trả cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	28.117.772.234	28.117.772.234	-	-
Phải trả khác	1.992.186.092	1.992.186.092	1.570.210.016	1.570.210.016
<b>Cộng</b>	<b>167.341.992.919</b>	<b>167.341.992.919</b>	<b>108.063.763.331</b>	<b>108.063.763.331</b>

### 5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	28.074.714.693	3.056.453.304
Cước vận chuyển	1.967.318.807	1.563.299.778
Chi phí khác	11.924.372.412	7.726.752.711
<b>Cộng</b>	<b>41.966.405.912</b>	<b>12.346.505.793</b>

### 5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

#### 5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	1.664.847.966	1.664.847.966	1.777.583.202	1.777.583.202
Bảo hiểm xã hội	129.238.308	129.238.308	110.588.563	110.588.563
Bảo hiểm y tế	3.962.575	3.962.575	3.235.668	3.235.668
Bảo hiểm thất nghiệp	1.983.787	1.983.787	266.800	266.800
Cổ tức phải trả	839.987.842	839.987.842	593.353.340	593.353.340
Lãi vay phải trả	12.454.589.469	12.454.589.469	1.800.000.000	1.800.000.000
Phải trả khác	6.594.692.241	6.594.692.241	75.983.706.030	75.983.706.030
<b>Cộng</b>	<b>21.689.302.188</b>	<b>21.689.302.188</b>	<b>80.268.733.603</b>	<b>80.268.733.603</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.17.2 Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam	206.151.346.519	206.151.346.519	205.735.018.544	205.735.018.544
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom <1>	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Nhận kí quỹ, kí cược	12.238.654.923	12.238.654.923	1.678.729.025	1.678.729.025
Các khoản phải trả khác <2>	277.482.289.079	277.482.289.079	298.007.432.000	298.007.432.000
<b>Cộng</b>	<b>565.872.290.521</b>	<b>765.872.290.521</b>	<b>575.421.179.569</b>	<b>675.421.179.569</b>

<1> Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/2016/HĐ-DNP ngày 25/11/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

<2> Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các pháp nhân và cá nhân. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

**5.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	<b>31/12/2018</b> VND	<b>01/01/2018</b> VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản đánh giá giá trị hợp lý tại thời điểm mua Công ty con theo thuế suất 20%	24.522.162.079	26.983.689.903
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản đánh giá giá trị hợp lý tại thời điểm mua Công ty con theo thuế suất 10%	70.714.138.024	27.147.733.598
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>95.236.300.103</b>	<b>54.131.423.501</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2018		Trong kỳ			01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do mua Công ty con	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>1&gt; Vay ngắn hạn</b>	<b>1.107.673.346.917</b>	<b>1.107.673.346.917</b>	-	<b>2.428.854.802.116</b>	<b>2.135.734.831.526</b>	<b>814.553.376.327</b>	<b>814.553.376.327</b>
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	752.721.515.454	752.721.515.454	-	1.493.885.174.479	1.275.944.404.856	534.780.745.831	534.780.745.831
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	307.656.108.929	307.656.108.929	-	722.793.402.706	633.413.841.127	218.276.547.350	218.276.547.350
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	47.295.722.534	47.295.722.534	-	212.176.224.931	226.376.585.543	61.496.083.146	61.496.083.146
<b>2&gt; Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>123.181.152.202</b>	<b>123.181.152.202</b>	<b>8.857.525.076</b>	<b>97.812.226.920</b>	<b>81.034.064.903</b>	<b>97.545.465.109</b>	<b>97.545.465.109</b>
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	85.073.171.996	85.073.171.996	-	51.675.171.996	28.600.000.000	61.998.000.000	61.998.000.000
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	12.808.800.000	12.808.800.000	-	12.808.800.000	9.300.841.921	9.300.841.921	9.300.841.921
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	11.696.219.210	11.696.219.210	-	20.696.422.737	32.821.826.715	23.821.623.188	23.821.623.188
Tại Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	3.238.396.996	3.238.396.996	2.287.743.076	2.267.268.187	1.316.614.267	-	-
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	2.425.000.000	2.425.000.000	-	2.425.000.000	2.425.000.000	2.425.000.000	2.425.000.000
Tại Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	7.939.564.000	7.939.564.000	6.569.782.000	7.939.564.000	6.569.782.000	-	-
<b>3&gt; Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>68.848.605.973</b>	<b>68.848.605.973</b>	<b>147.033.350</b>	<b>79.878.918.801</b>	<b>63.919.003.909</b>	<b>52.741.657.731</b>	<b>52.741.657.731</b>
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	43.252.822.402	43.252.822.402	-	42.809.274.332	37.860.849.712	38.304.397.782	38.304.397.782
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	25.595.783.571	25.595.783.571	-	37.069.644.469	25.911.120.847	14.437.259.949	14.437.259.949
Tại Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	-	-	147.033.350	-	147.033.350	-	-
<b>4&gt; Trái phiếu đến hạn trả</b>	<b>249.765.951.291</b>	<b>249.765.951.291</b>	-	<b>285.040.951.291</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>99.725.000.000</b>	<b>99.725.000.000</b>
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	249.765.951.291	249.765.951.291	-	285.040.951.291	135.000.000.000	99.725.000.000	99.725.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.549.469.056.383</b>	<b>1.549.469.056.383</b>	<b>9.004.558.426</b>	<b>2.891.586.899.128</b>	<b>2.415.687.900.338</b>	<b>1.064.565.499.167</b>	<b>1.064.565.499.167</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số dư vay ngắn hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:

a> Vay ngắn hạn:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương KCN Biên Hòa	222.703.305.478	173.450.131.884
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN Hà Thành	172.662.637.834	80.790.174.409
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đồng Nai	138.774.070.785	62.962.497.770
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	131.074.116.679	100.729.166.667
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Trường Sơn	126.197.941.553	-
Các đối tượng khác	316.261.274.588	396.621.405.597
<b>Cộng</b>	<b>1.107.673.346.917</b>	<b>814.553.376.327</b>

b> Vay dài hạn đến hạn trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam	85.439.564.000	60.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	12.808.800.000	3.712.195.661
Ngân hàng SINO PAC TP.HCM	6.379.623.210	12.759.246.420
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	-	3.669.486.260
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TPHCM	-	9.915.764.768
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	-	1.919.160.000
Các đối tượng khác	18.553.164.992	4.669.612.000
<b>Cộng</b>	<b>123.181.152.202</b>	<b>97.545.465.109</b>

c> Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	27.713.590.323	20.661.262.004
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.772.961.322	12.561.905.769
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TPHCM	10.636.932.000	84.024.880
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	10.504.615.200	9.914.283.600
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chaillease	9.220.507.128	9.520.181.478
<b>Cộng</b>	<b>68.848.605.973</b>	<b>52.741.657.731</b>

d> Trái phiếu ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngân hàng TMCP Việt Á- CN Hà Nội	199.908.493.151	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Hà Thành	39.885.966.512	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Biên Hòa	9.971.491.628	-
Ngân hàng TMCP Công thương VN- Chi nhánh Biên Hoà	-	99.725.000.000
<b>Cộng</b>	<b>249.765.951.291</b>	<b>99.725.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn**

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2018	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
<b>Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trường Sơn</b>						
44/2018/458982/HĐTD ngày 18/06/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 05/9/2018	12 tháng kể từ ngày 18/06/2018	Theo từng khế ước nhận nợ	200.000.000.000 VND	126.197.941.553	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, phát hành L/C	Khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị là 3.000.000.000 đồng.
<b>Khoản vay ngân hàng Sinopac – CN Thành phố Hồ Chí Minh</b>						
Hợp đồng tín dụng số 161033 ngày 05 tháng 10 năm 2016 và Bản sửa đổi bổ sung số 161033-SDBS1 ngày 09/10/2017	6 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	2.500.000 USD hoặc một khoản tương đương bằng đồng tiền tùy chọn	7.167.616.685	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, thanh toán các khoản nhập mua nguyên vật liệu.	Tín chấp
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – KCN Biên Hoà</b>						
111/2018-HĐCVHM/NHCT682-NHUADN ngày 05/11/2018	Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 7 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ, điều chỉnh 1 tháng 1 lần	420.000.000.000 VND	222.703.305.478	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – KCN Quảng Nam</b>						
(ii) Hợp đồng tín dụng số 95/2018-HĐCVHM/NHCT428-ĐNMT ngày 26 tháng 07 năm 2018	Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 4 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	60.000.000.000 VND	42.790.026.639	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai với giá trị 60 tỷ đồng, quyền đòi nợ luân chuyển có giá trị 120 tỷ đồng, hàng tồn kho luân chuyển 23 tỷ đồng và các tài sản cố định khác
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp. Hồ Chí Minh – CN SGD Đồng Nai</b>						
15549/17MN/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2017	12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	105.000.000.000 VND	22.927.887.607	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tín chấp



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered – Chi nhánh HCM

Thư cấp HMTD BFL/032018-822 ngày 06/03/2018, Bản sửa đổi ngày 01/06/2018	4 tháng	Theo từng kế ước nhận nợ	2.000.000 USD	25.724.593.125	Bổ sung vốn lưu động và thanh toán các khoản nhập khẩu nguyên vật liệu theo như yêu cầu kinh doanh của công ty với kỳ hạn tối đa 120 ngày	Đảm bảo bằng khoản phải thu, hàng tồn kho và khoản tiền gửi có kỳ hạn.
---	---------	-----------------------------	---------------	----------------	---	---

### Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Thành

18/2344014-CTD/004 ngày 27/09/2018	6 tháng	Theo từng kế ước nhận nợ	200.000.000.000 VND	172.662.637.834	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	- Máy móc thiết bị sản xuất ống nhựa HDPE - TK tiền gửi tại NH Vietcombank CN Biên Hòa trị giá 3.500.000.000 VND - Cổ phiếu của DN niêm yết 4.714.085 cổ phiếu CTCP Nhựa Tân Phú - Phương tiện vận tải theo HĐ thế chấp số 16/2344014-PTVTĐB/0332-1 ngày 29/08/2016 và các phụ lục kèm theo
---------------------------------------	---------	-----------------------------	---------------------	-----------------	--------------------------------------	---

### Khoản vay ngân hàng TMCP Việt Á – CN Đồng Nai

200- 004/18/VAB/HĐCHMDN ngày 21/03/2018	12 tháng	Theo từng kế ước nhận nợ	200.000.000.000 VND	138.774.070.785	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	- Cổ phiếu CTCP Bình Hiệp thuộc sở hữu của các thành viên Công ty CP Nhựa Đồng Nai; - 2.549.080 cổ phiếu CTCP Nhựa Tân Phú thuộc sở hữu - 4.469.750 cổ phiếu CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung - 1.338.345 cổ phiếu CTCP Nhựa Đồng Nai thuộc sở hữu của ông bà Vũ Đình Độ - Nguyễn Thị Hạnh
---	----------	-----------------------------	---------------------	-----------------	--------------------------------------	--

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh

0120/1838/N-CTD ngày 11/09/2018	06 tháng	Theo từng kế ước nhận nợ	150.000.000.000	131.074.116.679	Bổ sung vốn lư động phục vụ SXKD	- Nhà xưởng Bắc Ninh giai đoạn 1, giai đoạn 2 - Bảo lãnh vay vốn của CTCP Nhựa Đồng Nai - Bảo hiểm hàng tồn kho với giá trị 50 tỷ
------------------------------------	----------	-----------------------------	-----------------	-----------------	-------------------------------------	--

### Khoản vay ngân hàng BPCE IOM

FCA-000435-2017 ngày 20/12/2017, Phụ lục FCA- 000435-2017/01 ngày 10/12/2018	05 - 06 tháng	Theo từng kế ước nhận nợ	1.500.000 USD	32.095.151.665	Bổ sung vốn lư động phục vụ SXKD	Hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị 1.650.000USD.
---	---------------	-----------------------------	---------------	----------------	-------------------------------------	---

### Khoản vay ngân hàng VP Bank

221/2018/HĐHM/CMB ngày 5/9/2018	04 - 06 tháng	Theo từng kế ước nhận nợ	50.000.000.000 hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	34.408.927.811	Bổ sung vốn lư động phục vụ SXKD, phát hành L/C	Tín chấp với giá trị 35 tỷ và mở LC với giá trị 15 tỷ bổ sung tài sản bảo đảm khi mở
------------------------------------	---------------	-----------------------------	--	----------------	---	--

Các đối tượng khác

151.147.071.056

**Cộng**

**1.107.673.346.917**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2018		Trong kỳ			01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do mua Công ty con	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>1&gt; Vay dài hạn</b>	<b>2.088.069.196.839</b>	<b>2.088.069.196.839</b>	<b>100.601.754.009</b>	<b>1.783.515.970.645</b>	<b>544.264.775.306</b>	<b>748.216.247.491</b>	<b>748.216.247.491</b>
Tại Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	562.161.900.000	562.161.900.000	-	562.161.900.000	-	-	-
Tại Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP Bắc Giang	466.642.509.715	466.642.509.715	-	252.525.855.818	-	214.116.653.897	214.116.653.897
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	440.085.143.689	440.085.143.689	-	15.206.716.312	53.256.476.894	478.134.904.271	478.134.904.271
Tại Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP Long An	268.456.411.609	268.456.411.609	-	268.456.411.609	-	-	-
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	100.780.743.941	100.780.743.941	-	203.949.893.521	135.744.594.907	32.575.445.327	32.575.445.327
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	144.756.700.379	144.756.700.379	-	471.122.438.950	344.298.732.567	17.932.993.996	17.932.993.996
Tại Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	78.108.429.553	78.108.429.553	81.678.211.553	3.000.000.000	6.569.782.000	-	-
Tại Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	24.046.107.953	24.046.107.953	18.923.542.456	7.092.754.435	1.970.188.938	-	-
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	3.031.250.000	3.031.250.000	-	-	2.425.000.000	5.456.250.000	5.456.250.000
<b>2&gt; Nợ thuê tài chính</b>	<b>102.824.253.039</b>	<b>102.824.253.039</b>	<b>-</b>	<b>102.676.341.628</b>	<b>115.160.016.531</b>	<b>115.307.927.942</b>	<b>115.307.927.942</b>
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	61.313.887.246	61.313.887.246	-	55.929.179.321	80.157.596.603	85.542.304.528	85.542.304.528
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	41.510.365.793	41.510.365.793	-	46.747.162.307	35.002.419.928	29.765.623.414	29.765.623.414
<b>3&gt; Trái phiếu</b>	<b>246.437.500.000</b>	<b>246.437.500.000</b>	<b>-</b>	<b>246.657.591.322</b>	<b>99.747.869.101</b>	<b>99.527.777.779</b>	<b>99.527.777.779</b>
Tại Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	150.000.000.000	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-	-	-
Tại Công ty Cấp nước Bình Hiệp	96.437.500.000	96.437.500.000	-	96.437.500.000	-	-	-
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	-	-	-	220.091.322	99.747.869.101	99.527.777.779	99.527.777.779
<b>Cộng</b>	<b>2.437.330.949.878</b>	<b>2.437.330.949.878</b>	<b>100.601.754.009</b>	<b>2.132.849.903.595</b>	<b>759.172.660.938</b>	<b>963.051.953.212</b>	<b>963.051.953.212</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số dư các khoản vay và nợ dài hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:

**a> Vay dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
International Finance Corporation	562.161.900.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	466.642.509.715	214.116.653.897
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam	430.983.781.842	469.055.105.151
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	268.456.411.609	-
Vay cá nhân	191.675.951.885	14.485.000.000
Ngân sách tỉnh	62.779.752.862	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	31.496.743.941	13.503.587.530
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	21.466.088.488	-
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh	21.430.038.538	9.079.799.120
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	19.856.791.960	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà	4.189.315.993	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam	3.031.250.000	5.456.250.000
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	-	4.586.857.797
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TPHCM	-	9.945.864.782
Ngân hàng SINO PAC TP.HCM	-	6.379.623.208
Các đối tượng khác	3.898.660.006	1.607.506.006
<b>Cộng</b>	<b>2.088.069.196.839</b>	<b>748.216.247.491</b>

**b> Nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	40.675.670.154	52.218.795.845
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	21.975.780.000	-
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	19.789.360.625	28.644.426.185
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	13.609.697.400	24.486.771.671
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	6.773.744.860	9.957.934.241
<b>Cộng</b>	<b>102.824.253.039</b>	<b>115.307.927.942</b>

**c> Trái phiếu dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vietnam Debt Fund SPC	150.000.000.000	-
Công ty CP chứng khoán VN Direct	96.437.500.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Biên Hòa	-	99.527.777.779
<b>Cộng</b>	<b>246.437.500.000</b>	<b>99.527.777.779</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Chi tiết các hợp đồng vay dài hạn

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2018	Số phải trả đến 31/12/2019	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội</b>						
01/2017/DA/VCBHN-NSS3 ký ngày 8 tháng 3 năm 2017	10 năm	Lãi suất thả nổi	9.803.615.211	1.188.316.996	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án " cải tạo mạng lưới và chống thất thoát thất thu Ô 22B và 23C Hoàn Kiếm"	Không có tài sản đảm bảo
02/2017/TDH/VCBHN-NSS3 ký ngày 29 tháng 6 năm 2017	10 năm	Lãi suất thả nổi	12.689.493.745	1.448.000.000		Không có tài sản đảm bảo
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh</b>						
0125/1838/T-DA/01 ngày 11/09/2018	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	9.854.000.000	1.970.800.000	Đầu tư XD nhà xưởng Bắc Ninh giai đoạn 2	Nhà xưởng Bắc Ninh giai đoạn 1, giai đoạn 2
0024/ĐTDA/15CD ngày 07/07/2015	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần	5.389.043.941	3.088.000.000	Đầu tư mua sắm TSCĐ sản xuất sản phẩm nhựa	Dây chuyền sản xuất bình PET 19, chai PET 5 lít, nắp và chai 5 lít Lavie
01/TDH-0158/KHDN/17NH ngày 25/7/2017	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần	29.062.500.000	7.750.000.000	Đầu tư mua sắm TSCĐ sản xuất sản phẩm nhựa	Máy móc sản xuất bao bì nhựa hình thành từ vốn tự có và vốn vay
<b>Khoản vay Ngân hàng Sinopac - chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh</b>						
162004 ngày 16 tháng 03 năm 2016		VND: lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng VCB cộng với 2%.	6.379.623.210	6.379.623.210	Mua máy móc và thiết bị của Bên vay và việc sử dụng tiền có liên quan	Các máy móc và thiết bị được tài trợ dưới khoản tín dụng này
<b>Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam</b>						
06/2015/HĐSDBS – NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015	20 năm	Lãi suất vay trong hạn là 8,4%/năm. Lãi suất vay quá hạn là 12,6%/năm.	501.355.105.151	82.700.000.000	Xây dựng và đầu tư thiết bị cho dự án nhà máy nước Đồng Tâm	Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư và giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Khê ước số 01/2004 với Bộ tài chính ký ngày 29 tháng 11 năm 2004	20 năm	Lãi suất cố định 5%/năm	15.068.240.691	2.739.564.000		Không có tài sản đảm bảo
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Biên Hòa</b>						
20/2018- HĐCVĐADT/NHCT682- NHUADN ngày 20 tháng 4 năm 2018	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh theo quy định của hợp đồng	25.390.088.488	3.924.000.000	Đầu tư máy móc thiết bị	Đảm bảo bằng tài sản
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung</b>						
01/2018- HĐCVĐADT/NHCT324- DNP LONG AN	144 tháng	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần	268.456.411.609		- Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nhà máy nước Nhị Thành	Toàn bộ tài sản của Dự án (tài sản hiện hữu và tài sản hình thành trong tương lai)
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm</b>						
Hợp đồng Cho vay Dự án Đầu tư số 106A/HTTD/2017- HĐCVĐAT/NHCT122- DNPBACGIANG ngày 26 tháng 7 năm 2017	162 tháng	Lãi suất cho vay từ 8%/năm đến 9,25%/năm.	466.642.509.715		- Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy nước sạch DNP - Bắc Giang	- Quyền tài sản đối với vốn góp của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại Công ty; - Toàn bộ tài sản của Dự án (tài sản hiện hữu và tài sản hình thành trong tương lai).
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội</b>						
02/2017- HDTDDA/NHCT106- NUOCSACH03 ngày 24 tháng 7 năm 2017	108 tháng	Lãi suất thả nổi	3.036.551.000	360.000.000	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án "cải tạo mạng lưới cấp nước chống thất thoát, thất thu ở 23-KV3- quận Hoàn Kiếm	Không có tài sản đảm bảo
01/2016- HĐTĐA/NHCT106- NUOCSACH3 ngày 4 tháng 1 năm 2017	9 năm	Lãi suất thả nổi	1.754.844.993	242.080.000		Không có tài sản đảm bảo



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Khoản vay Ngân sách tỉnh Bình Thuận

Quyết định số 3857/QĐ- UBND tỉnh Bình Thuận ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2015	180 tháng	Không có lãi suất	67.979.752.862	5.200.000.000	Dự án "Nâng cấp, cải tạo Nhà máy nước và Hệ thống cấp nước thành phố Phan Thiết"	Không có tài sản đảm bảo
---	-----------	-------------------	----------------	---------------	---	--------------------------

### Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang

03/2017/HĐTD ngày 1 tháng 8 năm 2017	20 năm	6,6%/năm	23.803.210.534	2.373.171.996	Xây dựng và đầu tư thiết bị cho dự án Trạm tăng áp Chợ Gạo tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	Toàn bộ công trình thuộc dự án Trạm tăng áp Chợ Gạo có giá trị xấp xỉ 43,962 tỷ VNĐ theo biên bản định giá tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay ngày 1 tháng 8 năm 2017
---	--------	----------	----------------	---------------	---	--

### Khoản vay International Finance Corporation

Hợp đồng số 39945 ngày 28/12/2017	6 năm	5%/năm	562.161.900.000	-	Đầu tư vào các công ty ngành nước	
--------------------------------------	-------	--------	-----------------	---	--------------------------------------	--

### Vay cá nhân

			191.675.951.885	-	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Tín chấp
--	--	--	-----------------	---	-------------------------------------	----------

### Các đối tượng khác

			10.747.506.006	3.817.596.000	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	
--	--	--	----------------	---------------	-------------------------------------	--

### Cộng

			<u>2.211.250.349.041</u>	<u>123.181.152.202</u>		-
--	--	--	--------------------------	------------------------	--	---

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính**

<b>Hợp đồng TTC</b>	<b>Dư nợ gốc</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Số dư nợ gốc tại 31/12/2018</b>	<b>Số phải trả đến 31/12/2019</b>	<b>Tài sản Thuê TC</b>
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Sài Gòn Thương Tín	46.376.426.645	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	30.293.975.825	10.504.615.200	Máy móc, thiết bị
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng VCB - CN TP Hồ Chí Minh	111.477.256.996	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	68.389.260.477	27.713.590.323	Máy móc, thiết bị
Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE	36.154.597.876	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	15.994.251.988	9.220.507.128	Máy móc, thiết bị
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam		Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	24.382.658.722	10.772.961.322	Máy móc, thiết bị
Công ty CTTC TNHH MTV Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Cn HCM	64.177.513.555	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	32.612.712.000	10.636.932.000	Máy móc, thiết bị
<b>Cộng</b>			<b>171.672.859.012</b>	<b>68.848.605.973</b>	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Chi tiết các khoản trái phiếu ngắn hạn, dài hạn**

<u>Trái chủ</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Giá trị phát hành</u>	<u>Giá trị còn lại tại 31/12/2018</u>	<u>Chi phí phát hành chưa phân bổ</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hòa	36 tháng	7,4% /năm đầu tiên, từ năm thứ 2 bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%.	20.000.000.000	9.971.491.628	28.508.372	Sổ tiết kiệm với giá trị là 60.000.000.000 đồng của ông Vũ Ngọc Tú và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Thành			80.000.000.000	39.885.966.512	114.033.488	
Ngân hàng TMCP Việt Á	12 tháng	11%	200.000.000.000	199.908.493.151	91.506.849	20.000.000 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Ngành nước DNP, 5.000.000 cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Đồng Nai
<b>Cộng</b>				<b>249.765.951.291</b>	<b>234.048.709</b>	

**Chi tiết các khoản trái phiếu dài hạn**

<u>Trái chủ</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Giá trị phát hành</u>	<u>Giá trị còn lại tại 31/12/2018</u>	<u>Chi phí phát hành chưa phân bổ</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Công ty CP Chứng khoán VN Direct	24 tháng	11%	100.000.000.000	96.437.500.000	3.562.500.000	4.675.000 cổ phần CTCP Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội
Vietnam Debt Fund SPC	36 tháng	11%	150.000.000.000	150.000.000.000	-	Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai
<b>Cộng</b>				<b>246.437.500.000</b>	<b>3.562.500.000</b>	



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.20 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**

**5.20.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>300.056.240.000</b>	<b>29.155.000.000</b>	<b>15.794.216.721</b>	<b>(342.000)</b>	<b>2.746.814.635</b>	<b>86.136.965.208</b>	<b>120.820.763.014</b>	<b>554.709.657.578</b>
Tăng vốn trong năm trước	121.024.730.000	(152.100.000)	-	-	-	-	200.695.189.650	321.567.819.650
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	83.349.319.194	(10.848.811.396)	72.500.507.798
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	2.294.073.250	(2.294.073.250)	-	-
Tăng/(giảm) liên quan đến nghiệp vụ mua/ bán Công ty con	-	-	(9.632.835.372)	-	(4.314.847.754)	54.624.693.873	(22.011.406.294)	18.665.604.453
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	400.539.514	150.810.979	551.350.493
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(107.242.173)	(92.478.273)	(199.720.446)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	75.011.750.000	-	-	-	-	(75.011.750.000)	(3.088.068.000)	(3.088.068.000)
Chia cổ phiếu thưởng	4.000.000.000	-	6.595.847.096	-	-	(10.593.791.606)	(2.055.490)	-
Lợi ích đầu tư Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận ghi thẳng VCH	-	-	-	-	-	2.077.308.465	1.641.380.779	3.718.689.244
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>500.092.720.000</b>	<b>29.002.900.000</b>	<b>12.757.228.445</b>	<b>(342.000)</b>	<b>726.040.131</b>	<b>138.581.969.225</b>	<b>287.265.324.969</b>	<b>968.425.840.770</b>
Tăng vốn trong năm	428.000.000.000	39.838.494.826	-	-	-	-	296.898.215.524	764.736.710.350
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	15.149.756.799	(2.903.477.161)	12.246.279.638
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(116.763.154)	(103.279.734)	(220.042.888)
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	6.465.425.879	(6.465.425.879)	-	-
Tăng/ (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	(22.975.487.930)	22.975.487.930	-
Tăng/(giảm) liên quan đến nghiệp vụ mua/ bán Công ty con	-	-	-	-	-	-	10.699.443.056	10.699.443.056
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(11.715.738.141)	(11.715.738.141)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	64.992.630.000	-	-	-	-	(64.992.630.000)	-	-
Chia cổ phiếu thưởng	7.000.000.000	-	-	-	-	(7.000.000.000)	-	-
Khác	-	-	-	-	-	153.786.968	259.747.484	413.534.452
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>1.000.085.350.000</b>	<b>68.841.394.826</b>	<b>12.757.228.445</b>	<b>(342.000)</b>	<b>7.191.466.010</b>	<b>52.335.206.029</b>	<b>603.375.723.927</b>	<b>1.744.586.027.237</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	500.092.720.000	300.056.240.000
Vốn góp tăng trong năm	492.992.630.000	200.036.480.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	993.085.350.000	500.092.720.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>71.992.630.000</b>	<b>79.001.750.000</b>
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>	<i>64.992.630.000</i>	<i>75.001.750.000</i>
<i>Cổ phiếu thưởng ESOP</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>

**5.20.3 Cổ phiếu**

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>100.008.535</b>	<b>50.009.272</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>100.008.535</b>	<b>50.009.272</b>
Cổ phiếu phổ thông	100.008.535	50.009.272
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
Cổ phiếu phổ thông	10	10
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>100.008.525</b>	<b>50.009.262</b>
Cổ phiếu phổ thông	100.008.525	50.009.262
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	2.169.770.507.103	1.504.975.838.829
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.587.035.502	1.301.286.513
Doanh thu khác	2.836.090.329	525.947.049
<b>Cộng</b>	<b>2.188.193.632.934</b>	<b>1.506.803.072.391</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Trong đó, doanh thu với các bên liên quan**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	88.386.106.764	77.649.631.180
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	-	52.032.302.354
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	4.256.656.847	2.190.733.266
Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ	988.920.000	-
Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2	1.712.081.928	2.052.779.550
Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh	1.093.737.771	1.150.229.600
<b>Cộng</b>	<b>96.437.503.310</b>	<b>135.075.675.950</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	632.187.264	550.108.856
Giảm giá hàng bán	29.862.201	179.346.018
Hàng bán bị trả lại	6.709.511.757	1.313.256.684
<b>Cộng</b>	<b>7.371.561.222</b>	<b>2.042.711.558</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.812.824.407.897	1.213.417.983.997
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.830.635.063	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.808.580.576	1.757.904.088
<b>Cộng</b>	<b>1.824.463.623.536</b>	<b>1.215.175.888.085</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.730.340.461	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.678.753.523	8.219.495.014
Chênh lệch đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên kết khi chuyển thành công ty con	16.490.626.652	7.348.780.857
Lợi thế thương mại âm do giao dịch mua rẻ	19.427.779.014	-
Lãi bán các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh	19.095.000.000	96.193.337.649
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.411.238.168	1.907.037.974
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.566.973	485.467.078
<b>Cộng</b>	<b>91.894.304.791</b>	<b>114.154.118.572</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	185.332.963.882	118.151.321.013
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.216.158.375	4.234.191.931
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	264.099.076	3.105.477
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	201.304.199	140.451.083
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	167.200.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(231.800.000)
Chi phí tài chính khác	12.343.899.780	943.012.552
<b>Cộng</b>	<b>202.358.425.312</b>	<b>123.407.482.056</b>

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	29.425.202.626	18.697.933.974
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.946.441.129	2.753.833.830
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.997.350.828	3.516.387.492
Chi phí bảo hành	125.240.254	113.993.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	49.652.179.535	42.687.709.209
	<b>96.146.414.372</b>	<b>67.769.857.716</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	76.558.819.243	59.413.570.421
Chi phí vật liệu quản lý	274.242.239	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.329.007.005	5.286.178.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.511.642.687	4.536.661.134
Thuế, phí và lệ phí	5.028.019.011	371.170.908
Chi phí dự phòng	4.908.395.443	1.876.728.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	10.523.472.016	37.225.375.371
Lợi thế thương mại phân bổ	38.319.543.858	23.490.537.759
	<b>148.453.141.502</b>	<b>132.200.222.021</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	13.958.681.383	1.562.269.295
Thu nhập khác	4.908.649.993	5.787.599.921
	<b>18.867.331.376</b>	<b>7.349.869.216</b>

**6.9 Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí phạt, truy thu thuế	6.872.071.388	641.713.792
Chi phí xử lý phế thải	11.483.298.845	4.289.256.000
Chi phí khác	3.992.950.325	4.499.136.491
	<b>22.348.320.558</b>	<b>9.430.106.283</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Công ty mẹ	5.160.397.991	13.707.701.951
Chi phí thuế thu nhập hiện hành các đơn vị thành viên	3.259.235.040	2.983.339.167
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.419.633.031</b>	<b>16.691.041.118</b>

**6.11 Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản đánh giá lại giá trị hợp lý của Công ty con tại thời điểm mua	(5.485.430.585)	(2.518.029.792)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện năm trước	-	326.675.799
<b>Cộng</b>	<b>(5.485.430.585)</b>	<b>(2.191.353.993)</b>

**6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

**6.12.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.246.279.638	72.500.507.798
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	15.149.756.799	83.349.319.194
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.922.136	49.784.236
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>214</b>	<b>1.674</b>

**6.12.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.246.279.638	72.500.507.798
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	15.149.756.799	83.349.319.194
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.922.136	49.784.236
Cổ phiếu phổ thông dự kiên phát hành từ nguồn vốn CSH	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>214</b>	<b>1.674</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 6.12.3 Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm

	Năm 2018 <i>Cổ phiếu</i>	Năm 2017 <i>Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu lưu hành đầu năm	50.009.262	30.005.614
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bổ sung trong năm	13.713.611	4.678.184
Cổ phiếu trả cổ tức và thưởng ESOP năm nay	7.199.263	7.901.175
Điều chỉnh hồi tố cổ phiếu trả cổ tức và thưởng ESOP năm nay về năm trước		7.199.263
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>70.922.136</b>	<b>49.784.236</b>

Các chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do việc điều chỉnh số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức và thưởng cổ phiếu ESOP từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 về năm 2017 để phù hợp so sánh.

### 6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 <i>VND</i>	Năm 2017 <i>VND</i>
Chi phí nhân công	255.580.316.212	170.993.657.420
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.265.091.332.623	922.221.260.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.547.814.665	159.919.842.259
Thuế, phí, lệ phí	7.667.745.796	3.557.654.428
Chi phí dự phòng	4.908.395.443	1.876.728.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	206.492.299.133	156.162.430.212
<b>Cộng</b>	<b>1.948.287.903.872</b>	<b>1.414.731.572.843</b>

## 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

### ***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>			
Vay và nợ	1.549.469.056.383	2.437.330.949.878	3.986.800.006.261
Phải trả người bán	167.341.992.919	-	167.341.992.919
Phải trả khác	19.889.269.552	565.872.290.521	585.761.560.073
<b>Cộng</b>	<b>1.736.700.318.854</b>	<b>3.003.203.240.399</b>	<b>4.739.903.559.253</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>			
Vay và nợ	1.064.565.499.167	963.051.953.212	2.027.617.452.379
Phải trả người bán	108.063.763.331	-	108.063.763.331
Phải trả khác	78.377.059.370	575.421.179.569	653.798.238.939
<b>Cộng</b>	<b>1.251.006.321.868</b>	<b>1.538.473.132.781</b>	<b>2.789.479.454.649</b>

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2018		01/01/2018		31/12/2018	01/01/2018
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	853.483.562.746	-	307.873.206.677	-	853.483.562.746	307.873.206.677
Phải thu khách hàng	525.420.617.122	(40.236.725.459)	340.343.097.622	(35.020.440.164)	485.183.891.663	305.322.657.458
Phải thu về cho vay	4.376.000.000	(610.000.000)	810.000.000	(610.000.000)	3.766.000.000	200.000.000
Phải thu khác	40.848.718.667	(1.789.904.445)	76.323.656.859	(1.789.904.445)	39.058.814.222	74.533.752.414
Đầu tư tài chính	556.859.274.160	-	220.944.598.165	-	556.859.274.160	220.944.598.165
	<b>1.980.988.172.695</b>	<b>(42.636.629.904)</b>	<b>946.294.559.323</b>	<b>(37.420.344.609)</b>	<b>1.938.351.542.791</b>	<b>908.874.214.714</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	3.986.800.006.261	-	2.027.617.452.379	-	3.986.800.006.261	2.027.617.452.379
Phải trả người bán	167.341.992.919	-	108.063.763.331	-	167.341.992.919	108.063.763.331
Phải trả khác	585.761.560.073	-	653.798.238.939	-	585.761.560.073	653.798.238.939
	<b>4.739.903.559.253</b>	-	<b>2.789.479.454.649</b>	-	<b>4.739.903.559.253</b>	<b>2.789.479.454.649</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(2) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2018 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

## 8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

#### 9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành gồm cả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát kiêm nhiệm	6.754.147.957	6.961.100.000

### 9.2 Thông tin về bộ phận

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty phân loại hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty thành viên gồm 2 ngành chính theo lĩnh vực kinh doanh:

- Ngành nhựa gồm kinh doanh ống, bao bì nilong và nhựa công nghiệp.
- Ngành nước – Sản xuất và kinh doanh nước sạch

Hoạt động kinh doanh của Công ty về mặt địa lý gồm:

- Hoạt động kinh doanh trong nước
- Hoạt động kinh doanh xuất khẩu

Công ty lập báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **9.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Năm 2018			Năm 2017		
	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.868.147.906.128	312.674.165.584	2.180.822.071.712	1.389.792.218.421	114.968.142.412	1.504.760.360.833
2. Khấu hao TSCĐ	86.308.276.468	104.072.238.139	190.380.514.607	76.005.111.872	60.424.192.628	136.429.304.500
3. Lợi thế thương mại phân bổ	6.165.226.672	12.726.538.172	18.891.764.844	6.165.226.672	17.325.311.087	23.490.537.759
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	291.825.165.803	64.533.282.373	356.358.448.176	246.132.778.556	43.451.694.192	289.584.472.748

### **9.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Chỉ tiêu	Năm 2018			Năm 2017		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.737.400.294.937	443.421.776.775	2.180.822.071.712	1.172.472.526.040	332.287.834.793	1.504.760.360.833



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

### **9.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

### **9.4 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### **9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



---

**Nguyễn Văn Hiếu**  
**Tổng Giám đốc**

*Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2019*

---

**Trần Thái Sơn**  
**Kế toán trưởng**

---

**Phạm Thị Thu Hằng**  
**Người lập biểu**